



# ACIAR

## IN VIETNAM



Australia ủng hộ  
Khung Đối tác Một Sức khỏe  
của Việt Nam

Trang 4

Chiến lược thích ứng với  
COVID-19 cho người trồng rau  
và hoa ở Việt Nam

Trang 6

Ứng dụng các giống sản  
mới phù hợp tại Tây Bắc

Trang 18

# Mục lục



## 3 Thư Ban biên tập

### TIN TỨC

- 4 Australia ủng hộ Khung Đối tác Một Sức khỏe của Việt Nam
- 5 'Vì sức khỏe con người, vì cuộc sống phồn vinh' – thông điệp từ chợ truyền thống
- 6 Chiến lược thích ứng với COVID-19 cho người trồng rau và hoa ở Việt Nam
- 7 Xây dựng năng lực cho cán bộ ACIAR trong đại dịch COVID-19
- 8 Nhìn lại năm 2020: Tác động của ACIAR tại Việt Nam
- 11 Khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu nông nghiệp
- 12 ACIAR hỗ trợ các hợp tác xã nông dân thông qua Launch Funding
- 13 Kỷ niệm 30 năm thành lập Viện Nghiên cứu giống và công nghệ sinh học lâm nghiệp

### TIN TỨC TỪ ĐẠI SỨ QUÁN AUSTRALIA

- 14 Phát triển ngành trồng măng
- 15 Tiếp cận nguồn tài chính toàn diện
- 16 Cơ hội nhận tài trợ từ Australia cho các sáng kiến số hóa
- 17 Chuỗi cung ứng thực phẩm chống lại đại dịch toàn cầu

### CẬP NHẬT TỪ DỰ ÁN

- 18 Ứng dụng các giống sắn mới phù hợp tại Tây Bắc
- 21 Dự án mới: Nghiên cứu gen gà châu Á
- 22 Hợp tác thúc đẩy thương mại cho trái xoài miền Nam
- 24 Hỗ trợ nông dân kết nối với thị trường
- 26 SafePORK: Cải thiện an toàn thực phẩm trong chuỗi giá trị thịt lợn
- 29 Rủi ro và cơ hội của ngành chăn nuôi dê tại Lào và Việt Nam

### GƯƠNG MẶT ACIAR

- 31 Phòng vấn chuyên gia nghiên cứu:  
Nữ học giả Meryl Williams và nỗ lực gắn kết người nông dân với thị trường trong đại dịch COVID-19
- 33 Phòng vấn nông dân
- 34 G'Day, Mate: Câu chuyện cựu sinh ACIAR Việt Nam
- 34 Cập nhật từ văn phòng ACIAR Việt Nam

### MÓN NGON TỪ NÔNG TRẠI

- 35 Xôi sắn

Bìa trước: Chị Lèo Thị Hương là nông dân tham gia dự án AGB/2012/078. Chị đang thu hoạch giống sắn mới do dự án nghiên cứu và giới thiệu tại Sơn La.  
Ảnh: ACIAR

Bìa sau: Cảnh quan nông lâm kết hợp trên diện tích 50 ha tại tỉnh Sơn La trong dự án FST/2016/152.  
Ảnh: ICRAF

# Thư Ban biên tập

Quý độc giả thân mến,

Chúng tôi trân trọng gửi tới quý độc giả bản tin 'ACIAR in Vietnam' số tháng 4 năm 2021.

Như các bạn đã biết, chương trình ACIAR ở Việt Nam là một chương trình có sự hợp tác chặt chẽ giữa các nhà khoa học Australia và quốc tế với các nhà khoa học Việt Nam để giải quyết các vấn đề tồn tại, giúp nông dân cải thiện sinh kế và giúp phát triển nền nông nghiệp của Việt Nam.

Hoạt động trợ giúp kỹ thuật của các dự án đã từng phụ thuộc rất nhiều vào các chuyến thăm và làm việc của các nhà khoa học trong nước và quốc tế. Trong năm 2020, đại dịch COVID-19 đã hạn chế việc đi lại của các nhà khoa học và làm ảnh hưởng đến một phần chương trình. Điều đáng mừng là: ngoài một vài dự án phải lùi một số hoạt động do đặc thù mùa vụ thì hầu hết các dự án, hoạt động đào tạo và hoạt động kết nối đối tác vẫn đã diễn ra thông qua những kênh trao đổi thông tin trực tuyến, xen kẽ với trực tiếp một cách linh hoạt và sáng tạo.

Trong bản tin lần này, ban biên tập vui mừng chia sẻ những câu chuyện mà các đối tác của ACIAR, đặc biệt là các bài do chương trình nghiên cứu Kinh doanh nông nghiệp, Chăn nuôi, và Lâm nghiệp đã gửi về. Các bạn đừng bỏ qua loạt bài mang tính thời sự liên quan đến vấn đề Một Sức khỏe, an toàn vệ sinh thực phẩm tại các chợ truyền thống, tăng cường liên kết thị trường trong bối cảnh đại dịch COVID-19; hay chùm bài về cây sắn với các góc nhìn khác nhau: từ những trở trở của các nhà nghiên cứu làm sao để có vùng sạch bệnh, đến niềm vui của người nông dân khi thử nghiệm giống mới, hay cả sự kết hợp thú vị của sắn với gạo nếp trong ẩm thực truyền thống của người Việt.

Chúng tôi rất mong nhận được phản hồi và tin bài của các bạn cho số tới.

Chúc các bạn tìm thấy nhiều điều thú vị trong bản tin lần này!

Trân trọng,

ACIAR Việt Nam





Các bên tham gia Khung Đối tác Một Sức khỏe (2021-2025) của Việt Nam trong lễ ký kết ngày 23/3/2021 tại Hà Nội.  
 Ảnh: ACIAR

# Australia ủng hộ Khung Đối tác Một Sức khỏe của Việt Nam

Một Sức khỏe là khái niệm mô tả mối quan hệ chặt chẽ, qua lại giữa con người, động vật và môi trường. Kể từ năm 2020, khái niệm Một Sức khỏe lại càng được chú ý hơn bao giờ hết. Trong khi thế giới vẫn đang gồng mình chống lại những tác động kinh hoàng do đại dịch COVID 19 gây ra, chúng ta càng cần hành động mạnh mẽ hơn để tránh khỏi các rủi ro tương tự về an ninh y tế. Trong bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam đã quyết định khởi động giai đoạn tiếp theo của Đối tác Một sức khỏe ở Việt Nam và nhận được sự ủng hộ tích cực của các đối tác, trong đó có Australia.

**Đối tác một sức khỏe phòng, chống dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người (sau đây gọi là Đối tác Một Sức khỏe)** tại Việt Nam được thành lập năm 2016 với 27 thành viên trong nước và quốc tế. Đối tác Một Sức khỏe hỗ trợ các nỗ lực của Việt Nam nhằm phòng ngừa, phát hiện và phản ứng với các nguy cơ mới nổi và có thể trở thành đại dịch. Cụ thể, Đối tác Một Sức khỏe hỗ trợ việc thực thi pháp luật và các quy định liên quan đến bệnh truyền lây từ động vật sang người, cũng như việc thực hiện Kế hoạch Một Sức Khỏe (2016 – 2020) của Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT).

Hiện tại, Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cùng các đối tác soạn thảo Khung Đối tác Một Sức khỏe cho 5 năm tới. Lãnh đạo của ba bộ sẽ là đồng chủ tịch của Đối tác Một Sức khỏe giai đoạn 2021–2025. Ban Thư ký Đối tác Một Sức khỏe được đặt tại Vụ Hợp tác Quốc tế của Bộ NN&PTNT.

Trong giai đoạn mới này, mục tiêu chung của Đối tác Một Sức khỏe là giảm thiểu nguy cơ lây lan mầm bệnh truyền lây từ động vật sang con người và các dịch bệnh do tác nhân môi trường, cũng như giảm thiểu nguy cơ kháng kháng sinh bằng cách nâng

cao hợp tác đa ngành cho vấn đề Một Sức khỏe.

Nhằm củng cố năng lực điều phối Một Sức khỏe ở Việt Nam, Đối tác Một Sức khỏe sẽ tập hợp các bên liên quan, bao gồm các cơ quan chính phủ Việt Nam đóng vai trò lãnh đạo, các tổ chức quốc tế, các đối tác song phương, các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân.

ACIAR từ lâu đã đầu tư cho các nghiên cứu nhằm giải quyết mối liên hệ giữa an ninh lương thực và sức khỏe con người thông qua phương pháp tiếp cận Một Sức khỏe. Tại Việt Nam, ACIAR cam kết nâng cao an ninh lương thực và an toàn thực phẩm, đặc biệt trong chẩn đoán và quản lý các bệnh lây truyền từ động vật sang người qua đường thực phẩm và hiện tượng kháng kháng sinh, thông qua các hỗ trợ liên quan đến chính sách và quy định.

Ngoài ACIAR, một số cơ quan chính phủ khác của Australia cũng tham gia đóng góp vào Khung Đối tác Một Sức khỏe của Việt Nam, cụ thể như sau:

- Chương trình Hợp tác Phát triển của Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia hỗ trợ tăng cường an ninh y tế,
- Cơ quan Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Australia (CSIRO) tăng cường năng lực nghiên cứu về sức khỏe động vật tại phòng thí nghiệm và cung cấp năng lực nghiên cứu hàng đầu thế giới về các bệnh lây truyền mới nổi và tình trạng kháng kháng sinh,
- Bộ Quốc phòng Australia có chương trình hợp tác dài hạn với Việt Nam về bệnh sốt rét.

ACIAR cùng ba cơ quan nói trên sẽ hợp tác với các đối tác Một Sức khỏe để hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Chiến lược Một Sức khỏe của Việt Nam và các chương trình liên quan của khu vực.

# ‘Vì sức khỏe con người, vì cuộc sống phồn vinh’—thông điệp từ chợ truyền thống

Nguyễn Thị Quỳnh Chi và Fred Unger. Dự án ACIAR: LS/2016/143

Ngày 7/6/2020 là Ngày An toàn Thực phẩm Thế giới lần thứ 7. Nhân dịp này, dự án SafePORK đã tổ chức một chiến dịch truyền thông nhằm khuyến khích thực phẩm an toàn ở các khu chợ truyền thống. Với thông điệp ‘Vì sức khỏe con người, vì cuộc sống phồn vinh’, chiến dịch nhấn mạnh vai trò kép của các khu chợ truyền thống trong việc cung cấp dinh dưỡng và tạo thu nhập cho con người.

Cùng ngày, Viện Nghiên cứu Chăn nuôi quốc tế (ILRI) đã đăng bài trên báo Vietnam News nhấn mạnh nhu cầu hỗ trợ các khu chợ truyền thống trong việc nâng cao an toàn thực phẩm trong bối cảnh COVID-19. Bài báo trình bày một số kết quả nghiên cứu chính từ dự án PigRISK/SafePORK do ACIAR tài trợ; theo đó, thịt lợn được khảo sát từ tất cả các chuỗi bán lẻ khác nhau (bao gồm cả chợ truyền thống và siêu thị) đều có nguy cơ nhiễm khuẩn *Salmonella*. Người tiêu dùng có nguy cơ mắc bệnh nếu tiêu thụ các thực phẩm nhiễm khuẩn *Salmonella* mà không được nấu chín, hoặc nhiễm khuẩn *Salmonella* do lây nhiễm chéo trong quá trình chế biến thực phẩm. Các nhà nghiên cứu của dự án đề xuất một số hình thức hỗ trợ các chợ truyền thống, bao gồm các hoạt

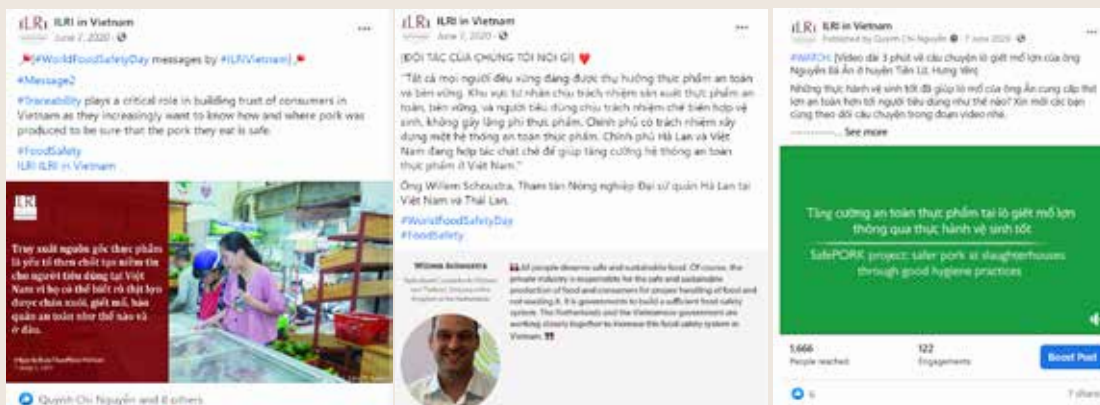
động nâng cao năng lực, các hình thức ưu đãi để khuyến khích người bán lẻ cùng đầu tư cho thực phẩm an toàn—đặc biệt là các ưu đãi trong việc sử dụng một số dụng cụ và thiết bị không tốn kém chi phí (như dùng khay inox và các bề mặt dễ lau rửa), và các chương trình tập huấn về vệ sinh và an toàn thực phẩm.

Cũng trong ngày này, dự án SafePORK đã ra mắt một sản phẩm video trên kênh YouTube và các kênh truyền thông xã hội khác nhằm giới thiệu các biện pháp can thiệp để cải thiện thịt lợn an toàn tại các lò mổ. Các biện pháp này đã được thử nghiệm tại các lò mổ quy mô nhỏ ở tỉnh Hưng Yên.

Một chiến dịch truyền thông đã diễn ra trên trang fanpage của ILRI Việt Nam từ ngày 4–11/6/2020 với những thông điệp quan trọng về an toàn thực phẩm. Chiến dịch đã tiếp cận được gần 8.300 người và thu hút sự chú ý của 600 người.

**Dự án ACIAR: ‘SafePORK: Các phương pháp tiếp cận dựa vào thị trường nhằm cải thiện mức độ an toàn của thịt lợn ở Việt Nam’ (LS/2016/143) do Viện Nghiên cứu Chăn nuôi Quốc tế (ILRI) phối hợp với Học viện Nông nghiệp Việt Nam và Viện Chăn nuôi thực hiện.**

**Liên hệ:** Fred Unger, ILRI. [F.Unger@cgiar.org](mailto:F.Unger@cgiar.org)



# Chiến lược thích ứng với COVID-19 cho người trồng rau và hoa ở Việt Nam

Phạm Thị Hòa\* và Derek Baker\*\*

*Dưới đây là báo cáo tóm lược kết quả nghiên cứu của TS Phạm Thị Hòa về cách thức người nông dân trồng rau và hoa ở tỉnh Lâm Đồng thích ứng với COVID 19 và biến đổi khí hậu. TS Phạm Thị Hòa đã trình bày báo cáo này trong một cuộc họp giữa các nhà khoa học trong tháng 2 năm 2021—trong khuôn khổ Hội nghị thường niên lần thứ 65 của Hiệp hội Nông nghiệp và Tài nguyên Australia.*

COVID-19 đã khiến nhiều cơ sở kinh doanh nông sản phải đóng cửa, làm đình trệ việc tiêu thụ và sản xuất nông sản nói chung. TS Phạm Thị Hòa đã thực hiện một nghiên cứu để xem xét và tính toán tác động của dịch COVID 19 đối với những người trồng hoa và rau ở tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, đồng thời tìm hiểu các chiến lược thích ứng của họ. Nghiên cứu xem xét các ưu và nhược điểm của hệ thống sản xuất và marketing, và đánh giá tính hiệu quả của các chương trình hỗ trợ của chính phủ dựa trên nhận thức của những người tham gia trong chuỗi giá trị. Dựa trên các phân tích, nghiên cứu đưa ra những bài học do chính những người tham gia vào thị trường đúc kết và các khuyến nghị dành cho các nhà hoạch định chính sách ở cả cấp trung ương và địa phương.

Nghiên cứu đã thực hiện khảo sát với các hộ sản xuất và các doanh nghiệp tại huyện Đức Trọng, Đơn Dương và thành phố Đà Lạt thuộc tỉnh Lâm Đồng. Câu hỏi dành cho các hộ gia đình (n=165) tập trung vào vấn đề sinh kế, an ninh lương thực, các lựa chọn về thị trường, công việc trước, trong và sau đại dịch.

Câu hỏi dành cho các doanh nghiệp, hiệp hội và người bán lẻ (n=24) liên quan đến thị trường tiêu thụ và mức độ sẵn có của sản phẩm. Nghiên cứu cũng phỏng vấn đại diện chính quyền địa phương (trưởng thôn, lãnh đạo các hiệp hội nông nghiệp, cán bộ khuyến nông) về các hành động và biện pháp hỗ trợ từ phía chính quyền. Nghiên cứu cũng sử dụng dữ liệu thứ cấp trong các tính toán tổng hợp về sản xuất và thực trạng kinh doanh của các doanh nghiệp. Dữ liệu được thu thập dựa trên thông tin phỏng vấn các nhân vật và qua các thảo luận nhóm tập trung.

Việc kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề đối với cả ngành hoa và rau, mức độ sụt giảm kinh doanh (và thu nhập) phụ thuộc vào đặc điểm của người nông dân nhiều hơn là đặc tính của nông sản. Hiệu quả kinh doanh cũng thay đổi tùy theo địa bàn và lựa chọn về thị trường. Các loại rau ăn lá và nông sản dễ hư hỏng thường được bán tại các chợ địa phương là nhóm bị giảm sút doanh thu nhiều nhất. Nhiều giải pháp đã được đưa ra nhằm giải quyết các nông sản không bán được: tuy nhiên có rất ít trong số này tạo ra thu nhập hay các lợi ích khác. Do thu nhập thấp, 43,6% nông dân chỉ sử dụng lao động là các thành viên trong gia đình. Chỉ có 12,7% nông dân được hỏi nói đã nhận được hỗ trợ của chính phủ, và có tới hơn 21,2% đã nhận được hỗ trợ từ các tổ chức khác.

Nhận thức về các nguy cơ, ưu và nhược điểm của các bên liên quan cho thấy: nông dân nhận thức rõ nguy cơ về biến đổi khí hậu và mong muốn có một chuỗi giá trị có khả năng chống chịu. Nhận thức tích cực về tài nguyên đất và kỹ năng của người dân là cơ sở để mọi người thấy lạc quan về các mùa vụ tương lai, đặc biệt với các thị trường xuất khẩu.

Trong ngắn hạn, chính phủ cần hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình để bị tổn thương. Trong dài hạn, cần phát triển một phương pháp tiếp cận toàn diện cho cả khu vực công và tư để vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp.

*(\*) TS Phạm Thị Hòa công tác tại Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật tỉnh Lâm Đồng. Chị là học giả Meryl Williams năm 2020 và nhận tài trợ từ Quỹ Hỗ trợ Nghiên cứu cho Cựu sinh của ACIAR để thực hiện nghiên cứu này. Quỹ Hỗ trợ Nghiên cứu cho Cựu sinh khuyến khích xây dựng các chiến lược phục hồi cho ngành nông nghiệp sau đại dịch.  
(\*\*) TS Derek Baker, Giám đốc Trung tâm Nông nghiệp, Đại học New England.*



TS Phạm Thị Hòa phỏng vấn một nông dân trồng hoa ở tỉnh Lâm Đồng. Ảnh: Phạm Thị Hòa.

## Xây dựng năng lực cho cán bộ ACIAR trong đại dịch COVID-19



Sau chương trình tập huấn, văn phòng ACIAR Việt Nam đã có một cuộc họp với các đối tác mới là Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh và Đại học Queensland (tham gia họp trực tuyến).

Mặc dù COVID-19 khiến việc đi lại và các cuộc họp mặt trực tiếp bị hạn chế, văn phòng ACIAR Việt Nam đã cùng mạng lưới các văn phòng quốc gia của ACIAR trên toàn cầu hoàn thành chương trình tập huấn trực tuyến về Xây dựng Quan hệ Đối tác, triển khai từ tháng 6 năm 2020.

Chương trình Đối tác Quốc gia của ACIAR thiết kế nội dung, sau đó khoá tập huấn được hai chuyên gia từ công ty tư vấn Co-Impact là Rhonda Chapman và Tim Ford triển khai.

Mạng lưới văn phòng quốc gia của ACIAR đã tham gia khóa tập huấn kéo dài năm tuần trong gần bốn tháng, từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2020. Tất cả thành viên của các văn phòng quốc gia và văn phòng vùng từ Châu Phi, Châu Á và Thái Bình Dương đã tham gia rất nhiệt tình. Đây cũng là lần đầu tiên tất cả cùng tham gia một khóa đào tạo trực tuyến.

Trong khóa tập huấn, chúng tôi đã thảo luận về đóng góp của các văn phòng quốc gia ACIAR trong việc khởi tạo, xây dựng và

duy trì quan hệ đối tác ACIAR. Chúng tôi đã được tham gia vào các Kịch bản thực tế để áp dụng những kiến thức đã được học vào quan hệ đối tác và giải quyết các vấn đề diễn ra trong thực tế.

Sau khóa học, toàn bộ mạng lưới đã có được sự hiểu biết chung về quan hệ đối tác. Riêng đối với văn phòng Việt Nam, chúng tôi đã áp dụng những kỹ thuật mới về quan hệ đối tác như lắng nghe chủ động, cung cấp phản hồi tích cực, v.v. ngay sau khóa đào tạo này. Chúng tôi đã có một chuyến công tác đáng nhớ để thiết lập một quan hệ đối tác mới với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nhằm chuẩn bị cho một dự án sắp tới ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Cũng nhờ các buổi học trực tuyến thường xuyên cùng các trao đổi hết sức cởi mở, tất cả các thành viên trong mạng lưới đã hiểu nhau hơn và trở nên thân thiết hơn.

Chúng tôi mong đợi có thể sớm tổ chức được các cuộc tiếp xúc trực tiếp với các đối tác ngay sau khi dịch COVID 19 kết thúc.



# Nhìn lại năm 2020: Tác động của ACIAR tại Việt Nam

---

Bài viết này tổng kết những kết quả có nhiều tác động nhất của hai dự án và một hoạt động nghiên cứu nhỏ (SRA) đã hoàn thành trong năm 2020.

---



Nguyễn Thu Hương, tác giả bài viết, là cán bộ truyền thông bắt đầu làm việc tại văn phòng ACIAR Việt Nam từ tháng 10 năm 2020. Bài viết nhấn mạnh các tác động của ACIAR thông qua tổng hợp dữ liệu từ các báo cáo sẵn có.

Các dự án được kể tới gồm có:

- AGB/2012/078: Phát triển liên kết chuỗi giá trị để cải thiện hệ thống sản xuất sản phẩm quy mô nhỏ ở Việt Nam và Indonesia
- SMCN/2010/083: Cải thiện tính bền vững của hệ thống canh tác lúa tằm ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam
- AGB/2020/122 (SRA): Mô hình tăng trưởng kinh tế mới cho Việt Nam giai đoạn 2021–2030 và tầm nhìn tới 2050: Đánh giá định lượng

### #1: Xây dựng năng lực cho các đối tác nghiên cứu

Tất cả các dự án của ACIAR đều nhằm đóng góp cho hợp tác quốc tế và phát triển công nghệ giữa Australia và Việt Nam, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu cho Việt Nam. Dưới đây là một số điểm nhấn trong năm 2020:

- Các nhà khoa học tham gia hợp tác trong dự án đã xuất bản 10 ấn phẩm khoa học được bình duyệt (peer review); một nhà nghiên cứu Việt Nam đã hoàn thành chương trình Tiến sĩ tại Australia với học bổng John Allwright, và tám sinh viên đã hoàn thành luận án thạc sĩ và luận văn bậc đại học (honour thesis) (SMCN/2010/083).
- Các nhà nghiên cứu đã sử dụng truyền thông xã hội để quảng bá các ý tưởng, công nghệ, tri thức, v.v. tới nhiều đối tượng một cách thuyết phục và gây ảnh hưởng (AGB/2012/078).

- Một số cựu sinh viên du học Australia hiện đang nắm giữ các vị trí quan trọng tại nơi làm việc đã tham gia vào một nghiên cứu vận động chính sách nhằm giúp kinh tế Việt Nam phát triển hiệu quả trong các thập kỷ tới. Đại học Quốc gia Australia đã hỗ trợ các nhà nghiên cứu Việt Nam và quốc tế tham gia trong dự án này (AGB/2020/122).

### #2: Xây dựng năng lực và nguồn lực cho nông dân

#### Cải thiện kỹ thuật canh tác và giống

- Tại xã Tân Bằng, tỉnh Cà Mau, các nông dân địa phương tự thành lập các tổ nhóm để cùng nhau áp dụng các phương pháp mới trong quản lý độ mặn của nước-rủi ro lớn nhất với các hệ thống lúa tằm. Các nông dân tiên phong tại các ruộng thí nghiệm đã học cách ghi chép lại các dữ liệu canh tác và dựa trên thông tin đó để đưa ra quyết định. Họ đã áp dụng các kỹ thuật do dự án giới thiệu để rửa mặn với ruộng trồng lúa. Tương tự với nuôi tằm, nông dân đã mạnh dạn áp dụng những phương pháp họ chưa từng làm trước đây, ví dụ như: hút bùn, sử dụng vôi để khử phèn. Đặc biệt, nông dân sau khi được học và áp dụng kiến thức mới lại tiếp tục chia sẻ với những nông dân khác trong thôn. Khi thấy vụ lúa thành công, nông dân ở các huyện khác cũng đến tham quan, học hỏi và bắt đầu áp dụng các phương pháp canh tác mới (SMCN/2010/083).
- Sau rất nhiều thử nghiệm các giống lúa chịu mặn, dự án đã giới thiệu với nông dân Cà Mau một số giống lúa phù hợp nhất với địa phương theo các vụ trong năm (SMCN/2010/083).



Dự án SMCN/2010/083 thử nghiệm giống lúa chịu mặn tại Cà Mau.  
Ảnh: Hoàng Tiên



Nông dân tại xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đang học cách áp dụng Mạng Bayes (Bayesian Belief Networks) để thu thập dữ liệu canh tác. Ảnh: Hoàng Tiên

- Hai giống sắn mới đã được phổ biến tới nông dân ở tỉnh Sơn La, với năng suất cao hơn tới 76% và cho hàm lượng tinh bột cao hơn so với các giống sắn hay được trồng tại địa phương trước đây (AGB/2012/078).

### Thu nhập tốt hơn

- Các thí nghiệm cho thấy năng suất tôm có thể tăng lên khi nông dân bổ sung thức ăn công nghiệp. Sự thay đổi này có thể cải thiện năng suất tăng lên từ 242 đến 303 kg/ha, tạo thu nhập ròng 34.500.000 đồng (khoảng 1.900 đô la Úc) mỗi năm (SMCN/2010/083). Hệ thống lúa tôm còn mở ra tiềm năng giúp người nông dân nâng cao thu nhập nhờ bán các sản phẩm tươi, hữu cơ cho các thị trường khó tính.

### #3 Hỗ trợ xây dựng chính sách

- Dự án SMCN/2010/083 cung cấp các bằng chứng khoa học giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra quyết định về các kế hoạch nuôi trồng nhằm thích ứng với các thay đổi tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long do xâm nhập mặn. Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long hiện có 200.000 ha lúa-tôm. Việc áp dụng các kỹ thuật canh tác mới do dự án giới thiệu có thể thu về lợi nhuận đáng kể cho khu vực. Kết quả của nghiên cứu cũng phục vụ cho những thảo luận cấp cao về các chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn tới, đặc biệt cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.
- Các kết quả nghiên cứu của hoạt động nghiên cứu nhỏ AGB/2020/122 sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách đánh giá và lựa

chọn mô hình phát triển phù hợp cho Việt Nam trong giai đoạn tới. Nhóm nghiên cứu đã sử dụng mô hình toán bình quân để đánh giá các phương án chính sách tiềm năng cho Việt Nam. Mô hình này xem xét tới tính đa vùng nên sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách đánh giá được tác động của chính sách ở mỗi khu vực. Trong bối cảnh Việt Nam đang tập trung tìm kiếm một mô hình kinh tế mới nhằm giải quyết các thách thức hiện tại, kết quả nghiên cứu này sẽ cung cấp thông tin đầu vào cho quá trình ra

quyết định nhằm giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu chiến lược của mình.

### # 4 Giải quyết biến đổi khí hậu

- Các trang trại lúa-tôm góp phần làm giảm hàm lượng dinh dưỡng từ thức ăn nuôi tôm thải ra môi trường. Đây là điểm khác biệt so với các hệ thống canh tác tôm khác thường sẽ thải một lượng lớn chất dinh dưỡng có thể gây tác động tiêu cực tới môi trường (SMCN/2010/083).
- Các kỹ thuật canh tác cải tiến trong mô hình lúa-tôm giúp tạo ra một hệ thống canh tác thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và góp phần đảm bảo sinh kế cho nông dân ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long—nơi tình trạng xâm nhập mặn đang diễn ra ngày một trầm trọng. Các thí nghiệm thuộc dự án đã giúp xác định các giống lúa chịu mặn phù hợp; giúp chứng minh bùn đáy trong ao, ruộng nuôi tôm có thể thay thế phân bón cho lúa; và giúp cải tạo đất cho vụ lúa bằng những cách rửa mặn hiệu quả và đúng kỹ thuật (SMCN/2010/083).

### #5 Xây dựng quan hệ hợp tác với khu vực tư nhân

- Các đại diện tư nhân quan trọng trong chuỗi giá trị sắn ở Việt Nam đã tham gia đánh giá hiệu quả của các kỹ thuật bón phân cho cây sắn. Nhóm dự án cũng đã tận dụng các hoạt động gắn với chuỗi giá trị để xây dựng quan hệ đối tác và khuyến khích khối tư nhân tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khác (AGB/2012/078).

# Khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu nông nghiệp

**‘Sáng kiến này là minh chứng cho các nỗ lực của ACIAR nhằm tạo ra các cơ hội để doanh nghiệp, nhà nghiên cứu và nhà hoạch định chính sách cùng nhau xây dựng các dự án nghiên cứu thực tế, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan, trong đó có các nông dân sản xuất quy mô nhỏ và các nhóm yếu thế.’**

*Bà Robyn Mudie, Đại sứ Australia tại Việt Nam*

Đại diện của các doanh nghiệp Việt Nam và Australia, các nhà nghiên cứu và đại diện của các cơ quan nhà nước của Việt Nam đã cùng tham gia hành động nhằm hỗ trợ nông nghiệp Việt Nam phát triển.

Những vị thủ lĩnh của các ngành kinh doanh nông nghiệp đã có cuộc họp mặt lần đầu tiên tại Đại sứ quán Australia tại Hà Nội để ra mắt Nhóm Tham vấn Kinh doanh Nông nghiệp của ACIAR.

Sáng kiến này sẽ giúp các nhà nghiên cứu có thêm cơ hội để cùng trao đổi và mời gọi các doanh nghiệp tham gia vào các dự án nghiên cứu nông nghiệp do ACIAR hỗ trợ. Doanh nghiệp sẽ mang đến cho dự án những hiểu biết sâu sắc về nhu cầu và các vấn đề đang tồn tại trong thị trường, cũng như các vấn đề và nhu cầu của các nông hộ nhỏ.

ACIAR tại Việt Nam từ trước đến nay luôn chú trọng việc hợp tác với các cơ quan chính phủ và các viện nghiên cứu. Tuy nhiên, các xu hướng phát triển gần đây cho thấy các nhà nghiên cứu ngày càng có nhu cầu được làm việc với những doanh nghiệp kinh



doanh nông nghiệp và có các hoạt động với nông dân—để các dự án nghiên cứu có thể tạo ra những tác động cụ thể và bền vững.

Nếu các doanh nghiệp không tham gia và chia sẻ các hiểu biết sâu sắc của họ, thì các dự án nghiên cứu và nông dân tham gia vào dự án sẽ gặp khó khăn trong việc sản xuất và cung ứng dựa trên thị trường và hướng tới người tiêu dùng. Nhóm Tham vấn Kinh doanh Nông nghiệp ra đời nhằm góp phần giải quyết vấn đề này.

Buổi ra mắt Nhóm tham vấn do Đại học Sydney phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Việt Nam tổ chức.

‘Các doanh nghiệp tham gia vào Nhóm tham vấn sẽ có mối quan hệ tốt hơn với các nhà nghiên cứu của Việt Nam và Australia. Khi các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp và nông dân làm việc cùng nhau, họ có thể xác định và giải quyết các nút thắt trong các chuỗi giá trị nông sản và tạo ra những kết quả tích cực cho tất cả các bên tham gia vào chuỗi giá trị,’ Ông Howard Hall, Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Kinh doanh Nông nghiệp của ACIAR, chia sẻ.

Các doanh nghiệp có mặt trong sự kiện đều thể hiện mong muốn được tham gia vào các dự án của ACIAR bởi vì tất cả đều đang tìm kiếm các cơ hội phát triển bền vững tại Việt Nam.

Theo Giáo sư Tihomir Ancev, Đại học Sydney, các thành viên của Nhóm tham vấn có thể tham gia vào một dự án của ACIAR hỗ trợ việc lập kế hoạch chiến lược và xây dựng các chính sách nông nghiệp của Việt Nam.

‘Đây là nỗ lực chung của nhiều bên liên quan và nó có thể giúp thu hẹp khoảng cách từ phòng thí nghiệm ra đồng ruộng và tới thị trường,’ Giáo sư Tihomir Ancev cho biết thêm.

Sự tham gia chủ động của các doanh nghiệp cũng sẽ giúp thu hẹp các khoảng trống trong chính sách.

Bà Vũ Hoàng Yến, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp đóng góp ý kiến nhằm làm rõ các kỳ vọng của họ về các hỗ trợ từ phía chính phủ Việt Nam nhằm có được sự tham gia tốt hơn của doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nhóm tham vấn được kỳ vọng sẽ hoạt động tích cực và chia sẻ các kinh nghiệm chuyên môn của họ về các lĩnh vực ACIAR nên đầu tư tại Việt Nam.

Nhóm tham vấn này là mô hình thử nghiệm đầu tiên của ACIAR với mong muốn nhân rộng mô hình này ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á.



Nhóm dự án AFLI-ii chụp ảnh cùng đại diện của ACIAR và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại hội thảo.  
Ảnh: ACIAR

## ACIAR hỗ trợ các hợp tác xã nông dân thông qua Launch Funding

Mô hình hợp tác xã tiếp thêm cho nông dân những động lực quan trọng như: sức mạnh tập thể, sản xuất quy mô lớn, khả năng tiếp cận công nghệ và kết nối thị trường. Tuy nhiên, các hợp tác xã hiện vẫn đang gặp nhiều hạn chế trong việc tiếp cận nguồn lực tài chính, quỹ đất và trang thiết bị.

Trong một hội thảo diễn ra vào tháng 10 năm 2020 tại Hà Nội, đại diện của các hợp tác xã và các chuyên gia nông nghiệp Việt Nam đã cùng thảo luận về các thách thức và giải pháp nhằm hỗ trợ hợp tác xã trong bối cảnh dịch COVID-19 và biến đổi khí hậu.

Kết quả hội thảo đóng góp cho việc thực hiện kế hoạch 5 năm do Thủ tướng phê duyệt cuối năm 2020 nhằm hỗ trợ sự phát triển của các hợp tác xã.

Đại diện của các dự án nghiên cứu nông nghiệp của ACIAR tại Việt Nam đã tham dự hội thảo và chia sẻ về kinh nghiệm hỗ trợ các hợp tác xã trong quá trình thành lập, xây dựng năng lực và phát triển chuỗi giá trị.

Hội thảo do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức với sự hỗ trợ của ACIAR thông qua chương trình Launch Funding.

Chương trình Launch Funding hỗ trợ tài chính cho các tổ chức và cá nhân thực hiện hoặc tham dự các hội thảo mang lại lợi ích trực tiếp cho các nghiên cứu nông nghiệp quốc tế. Xin mời tìm hiểu thêm về Launch Funding trên trang [aciarc.gov.au](http://aciarc.gov.au).



Ảnh trái: Đại diện dự án AFLI-ii trao đổi với ông Nguyễn Văn Đoàn (thứ hai từ trái sang), Cục trưởng Cục Phát triển Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại hội thảo ngày 13/10/2020. Ảnh Lèo Văn Léch (thứ nhất từ trái sang), người dân tộc Thái, là giám đốc Hợp tác xã Thành Cường ở bản Mòn, huyện Mai Sơn, tỉnh Điện Biên. Với 34 thành viên, Hợp tác xã Thành Cường áp dụng mô hình nông lâm kết hợp trên đất dốc với các cây xoài, mận, mắc ca và rau. Các sản phẩm của Thành Cường được phân phối tại một số cửa hàng ở Hà Nội. Ảnh: ACIAR.

Ảnh phải: Anh Lèo Văn Léch (ở giữa) quyết tâm thành lập hợp tác xã khi tham gia dự án AFLI-ii do ACIAR tài trợ. Trong ảnh, anh Léch đang giới thiệu với cán bộ ACIAR về mô hình nông lâm trên đất dốc tại vườn nhà.  
Ảnh: Trần Hà My, ICRAF.

# Kỷ niệm 30 năm thành lập Viện Nghiên cứu giống và công nghệ sinh học lâm nghiệp

ACIAR chúc mừng Viện Nghiên cứu giống và công nghệ sinh học lâm nghiệp (IFTIB) nhân kỷ niệm 30 năm thành lập. ACIAR tự hào đã hỗ trợ IFTIB cải thiện các giống cây bản địa của Australia để trồng tại Việt Nam. Nhờ vào nỗ lực của toàn ngành lâm nghiệp, trong đó có IFTIB, Việt Nam đã trồng được 2,5 triệu ha rừng keo, bạch đàn và 16.500 ha mắc ca, tạo sinh kế bền vững cho nhiều hộ gia đình sống dựa vào rừng.

ACIAR hân hạnh chia sẻ một số thông tin về những thành tựu và cột mốc phát triển chính của Viện trong 30 năm qua.

Khởi đầu từ năm 1990, IFTIB tiền thân là Trung tâm Nghiên cứu giống cây rừng thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. Năm 2012, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN & PTNT) đã nâng cấp trung tâm thành Viện Nghiên cứu giống và công nghệ sinh học lâm nghiệp.

Sau hơn 30 năm nghiên cứu và phát triển, Viện đã trở thành đơn vị hàng đầu về nghiên cứu và chọn tạo giống lâm nghiệp tại Việt Nam. Viện đã cung cấp 158 giống cây, giúp thúc đẩy trồng rừng trên toàn quốc, cải thiện sinh kế cho nhiều hộ nông dân nghèo và nâng cao vai trò của lâm nghiệp trong nền kinh tế.

## Các dấu mốc quan trọng của Viện

### Từ năm 1990—2000: Nghiên cứu, chọn giống keo lai tự nhiên

Năm 1993, các cán bộ khoa học của IFTIB bắt đầu chọn lọc các cây trội keo lai tự nhiên trong các rừng trồng keo tại tượng. Từ những kết quả nghiên cứu của IFTIB, Bộ NN&PTNT đã công nhận ba giống keo lai đầu tiên làm giống trồng rừng.

Năm 1996, IFTIB đã tham gia dự án cải thiện giống cây rừng khu vực do UNDP và ACIAR tài trợ nhằm giúp Việt Nam phát triển một giống Keo và Bạch đàn có tính đa dạng di truyền cao. Từ đó đến nay, IFTIB đã thiết lập một hệ thống các quần thể chọn giống tại một số địa phương trên cả nước.

### Từ 2001—2010: Cải tạo năng suất cây và giống

Trong giai đoạn này, 48 giống keo lai và bạch đàn đã được Bộ NN & PTNT tuyển chọn và công nhận.

Năm 2002, Hiệp hội Macadamia Australia đã cung cấp cho IFTIB 9 giống mắc ca sai quả để khảo nghiệm trên các vùng sinh thái, mở đầu cho chương trình nghiên cứu và phát triển mắc ca tại Việt Nam.

### Từ 2011—2020: Cải thiện năng suất cây và phát triển chất lượng rừng trồng

IFTIB đã chọn lọc và công nhận 80 giống keo lai mới, bạch đàn lai và mắc ca. Các giống mắc ca được công nhận cùng công nghệ nhân giống đạt hiệu suất cao đã nhanh chóng được chuyển giao cho các cơ sở sản xuất. Kết quả là Việt Nam đã trồng được hơn 16.500 ha mắc ca vào năm 2020, đem lại thu nhập hàng trăm triệu đồng cho người trồng.

### Xây dựng năng lực:

IFTIB đã đào tạo 12 thạc sĩ và ba tiến sĩ chuyên ngành di truyền chọn giống và công nghệ sinh học. Viện cũng đã cử 11 cán bộ nghiên cứu tham dự chương trình đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ về chọn giống và di truyền phân tử tại Australia, Thụy Điển, Trung Quốc; trong số này, sáu nhà nghiên cứu IFTIB đã nhận Học bổng John Allwright của ACIAR và một người tham

gia khóa học kỹ năng lãnh đạo theo Học bổng John Dillon.

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, các cán bộ tiếp tục gắn bó và hiện đang nắm giữ những vị trí chủ chốt trong Ban lãnh đạo Viện và tiếp tục phát triển chuyên môn, đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu khoa học và sự phát triển của IFTIB. Từ năm 2011—2020, Viện đã công bố hơn 80 bài báo trên các tạp chí trong nước và gần 30 bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín.



Ông Hà Công Tuấn, Thứ trưởng thường trực Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trao khen thưởng của Thủ tướng cho các thành tích xuất sắc của IFTIB. Ảnh: IFTIB



Tại Văn Bàn, dự án GREAT đã hỗ trợ thành lập hai hợp tác xã và chín tổ hợp tác, trong đó phụ nữ dân tộc thiểu số nắm phần lớn các vị trí lãnh đạo.

Nông dân tại huyện Văn Hồ, Sơn La được giới thiệu nổi lược măng công nghệ mới. Ảnh: GREAT

## Phát triển ngành trồng măng

Măng tre là nguyên liệu quen thuộc trong ẩm thực Việt Nam và được trồng ở nhiều vùng trên cả nước. Trồng măng là một ngành có thị trường tiềm năng và có thể mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình sống trong vùng đệm của rừng phòng hộ. Vì tre thường mọc tự nhiên trong rừng nên việc trồng măng không cần đầu tư vốn lớn hay đòi hỏi người nông dân phải thường xuyên chăm sóc.

Tuy nhiên, có những hạn chế về tăng trưởng của ngành và thu nhập của các hộ dân tộc thiểu số. Thứ nhất, quy mô sản xuất nhỏ, kém hiệu quả, công nghệ sơ chế lạc hậu ở quy mô hộ gia đình. Thứ hai, phương thức sản xuất truyền thống không đáp ứng được nhu cầu của thị trường và sự liên kết giữa người sản xuất với người mua còn kém. Do đó, măng thường được bán với giá thấp cho các thương lái địa phương. Thứ ba, nếu không được quản lý hợp lý, việc trồng tre rừng về lâu dài sẽ không bền vững. Việc thu hoạch và sơ chế măng cũng tốn nhiều công sức, tạo gánh nặng cho phụ nữ. Trong hộ gia đình, mặc dù phụ nữ là người kiếm được thu nhập từ tre, nhưng nam giới lại thường là người đưa ra các quyết định tài chính lớn.

Dự án *Thúc đẩy Bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Lào Cai và tỉnh Sơn La* (GREAT) do Chính phủ Australia tài trợ đang hợp tác với Trung tâm Phát triển Kinh tế Nông thôn (CRED) và Ban Quản lý Dự án Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hoàng Liên Văn Bàn để phát triển ngành măng và nâng cao thu nhập cho phụ nữ dân tộc thiểu số sống tại huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn La và huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Tại Văn Bàn, dự án GREAT đã hỗ trợ thành lập hai hợp tác xã và chín tổ hợp tác, trong đó phụ nữ dân

tộc thiểu số nắm phần lớn các vị trí lãnh đạo. Các liên kết thị trường với hai công ty chế biến măng (Kim Bôi và Yên Thành) đã được hình thành với các hợp đồng thu mua dài hạn. Thông qua các quan hệ đối tác này, nông dân có thể tiếp cận với đầu tư của khu vực tư nhân vào các cơ sở chế biến mới cũng như hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để trồng và thu hoạch măng tre đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng. Đến nay, thu nhập bình quân của các hộ tham gia đã tăng 21% kể từ khi bắt đầu dự án.

Trung tâm CRED cũng đã giới thiệu cho các hộ gia đình công nghệ sơ chế măng mới giảm 90% nhiên liệu và thời gian luộc măng từ 12 giờ xuống còn 2 giờ. Dự án GREAT cũng đang hỗ trợ đào tạo về chất lượng giới cho cả nam và nữ nhằm thúc đẩy việc ra quyết định chung và chia sẻ khối lượng công việc.

Các hoạt động này còn giúp cộng đồng chuyển đổi sang trồng măng thay vì chỉ dựa vào khai thác rừng như trước kia. Các buổi tập huấn nâng cao năng lực của các hợp tác xã do phụ nữ lãnh đạo trong việc trồng măng hữu cơ và vận động cho các chính sách quản lý măng bền vững được tổ chức. Điều này sẽ không chỉ bảo vệ môi trường mà còn đảm bảo nguồn thu nhập bền vững trong tương lai.

Hai hoạt động này sẽ mang lại lợi ích cho khoảng 1.800 phụ nữ, bao gồm phụ nữ dân tộc Dao ở Văn Bàn, Lào Cai và phụ nữ dân tộc Thái, Mường và Mông ở Văn Hồ, Sơn La.

### Liên hệ:

Chị Vũ Thị Quỳnh Anh, Phó Cố vấn trưởng,  
[anh.vu@aus4equalityvn.org](mailto:anh.vu@aus4equalityvn.org)

# Tiếp cận nguồn tài chính toàn diện

Nhiều nông dân—đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số—gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn tài chính cần thiết để tối đa hóa cơ hội tăng thu nhập. Một nghiên cứu trong khuôn khổ dự án *Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Lào Cai và Sơn La* (GREAT) do Tổ chức Financial Access và VietED thực hiện cho thấy: 60% người sản xuất rau và chanh dây và 33% người sản xuất chè ở Sơn La đang tìm kiếm nguồn tài chính cho sản xuất nông nghiệp từ khâu đầu vào như phân bón và cây giống. Nghiên cứu cũng cho thấy tỉ lệ phụ nữ tiếp cận tài chính từ các nguồn không chính thức cao hơn so với nam giới và phụ nữ gặp một số rào cản cụ thể trong việc tiếp cận nguồn tài chính chính thức.

Một trong những hạn chế lớn đối với nông dân trong các vùng dự án GREAT khi tiếp cận nguồn tài chính chính thức đó là việc phải cung cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất khi đăng ký vay vốn ngân hàng. Khảo sát cho thấy chỉ 22% hộ sản xuất chè có chứng chỉ quyền sử dụng đất. Các ngân hàng thường miễn cưỡng cho nông dân sản xuất quy mô nhỏ vay do nông dân thiếu tài sản thế chấp, chi phí giao dịch cao, khi thiết lập các khoản vay nhỏ và vì ngân hàng không đủ năng lực kỹ thuật để đánh giá, giám sát rủi ro và hiểu nhu cầu cũng như dòng tiền của nông dân.

Trong khuôn khổ hợp tác với VietED, GREAT cùng đối tác là LienVietPostBank nhận thấy tiềm năng thị trường trong việc mở rộng danh mục cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp. LienVietPostBank

## Dự án đang phát triển hoạt động cho nông dân vay không cần thế chấp dựa trên chu kỳ cây trồng, mô hình hóa dòng tiền và xác định rủi ro của nông dân trong chuỗi giá trị mục tiêu.

đang tìm cách đổi mới, mở ra cách tiếp cận hướng đến khách hàng và mạng lưới mạnh mẽ trong các huyện mục tiêu của Dự án.

Dự án đang phát triển hoạt động cho nông dân vay không cần thế chấp dựa trên chu kỳ cây trồng, mô hình hóa dòng tiền và xác định rủi ro của nông dân trong chuỗi giá trị mục tiêu. Một sản phẩm cho vay mới đã được thiết kế và sẽ được theo dõi đối với các nhà sản xuất quy mô nhỏ trong các dự án hiện tại của GREAT nhằm đáp ứng các yêu cầu và quản lý rủi ro của Ngân hàng. Dự án cũng đang xác định các giải pháp công nghệ để Ngân hàng giảm chi phí quản lý khi cho vay đối với các hộ quy mô nhỏ. Do việc hoàn trả khoản vay có thể là nguyên nhân gây ra lo lắng và căng thẳng trong gia đình—ảnh hưởng đến sức khỏe của phụ nữ—dự án cũng đang nâng cao năng lực của nhân viên Ngân hàng trong việc cung cấp tài chính theo lăng kính giới.

### Liên hệ:

Chị Vũ Thị Quỳnh Anh, Phó Cố vấn trưởng,  
[anh.vu@aus4equalityvn.org](mailto:anh.vu@aus4equalityvn.org)



Nghiên cứu tài chính tại Mộc Châu, Sơn La. Ảnh: GREAT

# Cơ hội nhận tài trợ từ Australia cho các sáng kiến số hóa

Chương trình tài trợ Đối tác Đổi mới sáng tạo đã khởi động vòng tài trợ năm 2021 với ngân sách 1,5 triệu đô la Úc dành cho các ý tưởng sáng tạo đã được thử nghiệm và sẵn sàng nhân rộng của các đối tác Australia và Việt Nam.

Quản lý và triển khai bởi chương trình Aus4Innovation với nguồn vốn từ Chính phủ Australia, vòng tài trợ này hướng đến các mục tiêu ưu tiên của Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong nỗ lực phục hồi hậu Covid. Vòng tài trợ này cũng được xây dựng dựa trên thành công của hai vòng trước đó với 197 đơn đăng ký, tám dự án được nhận tài trợ tổng số tiền 3,6 triệu đô la Úc.

Với chủ đề **“Tăng cường Chuyển đổi số”**, vòng tài trợ này sẽ tập trung cho các sáng kiến tiềm năng thúc đẩy chuyển đổi số nền kinh tế và mang lại tác động xã hội bao trùm. Các lĩnh vực đề xuất cho các ứng viên bao gồm: sản xuất thông minh, nông nghiệp thông minh, y tế số, giáo dục thông minh, thành phố thông minh, tài chính và ngân hàng, chính phủ điện tử, tài nguyên môi trường. Số tiền tài trợ từ 100 nghìn đến 1 triệu đô la Úc sẽ được trao trên cơ sở chấm điểm cạnh tranh cho các quan hệ đối tác đã có từ trước, nhằm nhân rộng các ý tưởng đã thử nghiệm. Các dự án được nhận tài trợ sẽ có tối đa 12 tháng để thực hiện các hoạt động đề xuất.

*“Cùng với Bộ Khoa học Công nghệ Việt Nam, chúng tôi đã cam kết sẽ hướng các hoạt động của chương trình Aus4Innovation đến việc phục hồi kinh tế sau dịch bệnh COVID-19. Cam kết này bao gồm các hỗ trợ mới, tập trung vào việc ứng dụng công nghệ số, giúp các nhà sáng chế của Việt Nam đưa ra những sáng kiến khắc phục các thách thức và tận dụng những cơ hội trong bối cảnh dịch bệnh toàn cầu và trạng thái bình thường mới. Vòng tài trợ thứ ba này với trọng tâm chuyển đổi số sẽ gắn kết chặt chẽ với sáng kiến Trí tuệ Nhân tạo được khởi động từ tháng 8 năm ngoái của chúng tôi, và hoàn thiện thêm các hỗ trợ của Australia cho quá trình chuyển đổi số của Việt Nam”* – bà Robyn Mudie, Đại sứ Australia tại Việt Nam chia sẻ.



*“Vòng tài trợ này của chương trình Aus4Innovation rất phù hợp với bối cảnh hiện tại, khi mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Theo đó, đến năm 2025 ở Việt Nam, quản lý hành chính công, vận hành doanh nghiệp cũng như đời sống người dân sẽ được chuyển đổi theo hướng tích hợp công nghệ trong một môi trường số hóa an toàn. Chúng tôi cảm ơn Chính phủ Australia vì quan hệ hợp tác rất có ý nghĩa này nhằm giúp chúng tôi thực hiện mục tiêu tham vọng về chuyển đổi số. Tôi mong đợi sẽ được thấy trong vòng tài trợ này những ứng dụng đột phá của những công nghệ như trí tuệ nhân tạo, IoT hay blockchain với tiềm năng tạo ra những tác động sâu rộng”* – ông Bùi Thế Duy, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chia sẻ thêm.

Chương trình tài trợ Đối tác Đổi mới sáng tạo là một hợp phần quan trọng của Aus4Innovation, chương trình hợp tác 4 năm (2018–2022) với tổng ngân sách 11 triệu đô la Úc nhằm giúp củng cố hệ thống đổi mới sáng tạo của Việt Nam, chuẩn bị cho nền kinh tế và công nghệ của Việt Nam trong tương lai số. Chương trình được tài trợ bởi Bộ Ngoại giao và Thương Mại Australia (DFAT), quản lý bởi Tổ chức Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Australia (CSIRO) với đối tác chiến lược là Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

**Liên hệ:**

Nguyễn Thị Hoàng Hà, Quản lý chương trình Aus4Innovation, [Hoang-Ha.Nguyen@dfat.gov.au](mailto:Hoang-Ha.Nguyen@dfat.gov.au)



# Chuỗi cung ứng thực phẩm trước đại dịch toàn cầu

Tony Harman, Tham tán Nông nghiệp, Đại sứ quán Australia tại Hà Nội

Đại dịch COVID-19 là chủ đề bao trùm của năm 2020 và nhiều năm tiếp theo. Loại vi-rút xâm nhập với tên gọi SARS-CoV-2 đã tàn phá sức khỏe của người dân toàn cầu; làm đóng cửa trường học, cửa hàng và nơi làm việc; du lịch bị hạn chế; siết chặt các quyền tự do xã hội bình thường; và gây ra những tác động tiêu cực lan rộng tới lĩnh vực kinh tế.

Tuy nhiên, **hệ thống lương thực toàn cầu về cơ bản vẫn có khả năng chống chịu với đại dịch** và những hạn chế biên giới quốc tế đầy khó khăn do dịch gây ra. Nhờ có mạng lưới chuỗi cung ứng rộng lớn với các mối liên kết phức tạp và đồng cộng tác, an ninh lương thực toàn cầu vẫn được đảm bảo, người dân trên toàn thế giới vẫn có những bữa ăn an toàn, bổ dưỡng và ngon miệng.

Chúng ta không ngạc nhiên khi chứng kiến giữa cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, **ngành công nghiệp thực phẩm thế giới đã đạt được những kết quả tốt hơn** so với các ngành khác khi đối mặt với nghịch cảnh khắc nghiệt.

**Sản xuất, chế biến và phân phối lương thực** đã thắng thế trước tình trạng thiếu lao động, các biện pháp giãn cách xã hội, trở ngại về hậu cần và hạn chế đi lại chưa từng xảy ra trước đây. Điều này đã chứng minh kỹ năng và sự kiên trì của những người làm nông nghiệp – những người thường sẽ không nắm được thông tin trước tiên nhưng luôn làm việc siêng năng để đảm bảo sự liên tục của nguồn cung cấp thực phẩm cho chúng ta.

Chúng ta biết ơn sâu sắc những người tham gia vào các ngành sản xuất nông nghiệp, bảo quản, vận chuyển, chế biến, đóng gói, phân phối, lưu kho, tiếp thị và bán lẻ sản phẩm nông nghiệp. Nhờ vào các nỗ lực của họ, chúng ta có thể sản xuất, chuyển đổi, vận chuyển hàng hóa và trao đổi hàng hóa nông thôn giữa các nhà cung cấp và người tiêu dùng, thường là từ các phía đối lập trên thế giới.

Điều quan trọng là **hệ thống thương mại quốc tế mở** đã cho phép quá trình chuyên môn hóa diễn ra hiệu quả hơn, người dân và doanh nghiệp được làm những công việc họ làm tốt nhất, do đó sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên hữu hạn của thế giới. Đối lại, điều này tạo



Tony Harman bắt đầu vai trò Tham tán Nông nghiệp tại Đại sứ Quán Australia tại Hà Nội từ tháng 10 năm 2020. Trong ảnh, ông đang đứng cùng hai đồng nghiệp tại Văn phòng Nông nghiệp của Đại sứ quán là Nguyễn Khánh Minh (trái) và Vương Thanh Hằng (phải).

nên sự giàu có và thịnh vượng cho một xã hội tốt đẹp hơn.

Việt Nam là một ví dụ thuyết phục về **việc tự do thương mại và đầu tư có thể cải thiện an ninh kinh tế** thông qua tăng thu nhập, tạo ra các kết quả y tế và giáo dục tốt hơn, cải thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực xã hội nhằm hỗ trợ những người không có việc làm.

Những người tham gia vào nghiên cứu, khuyến nông, chuyển giao công nghệ và đổi mới nông nghiệp đóng vai trò cốt yếu trong việc thúc đẩy năng suất của hệ thống sản xuất thực phẩm. Nhờ vào kết quả công việc của họ, chúng ta có thể liên tục sản xuất nhiều hơn với đầu vào ít hơn và giải quyết những rủi ro và thách thức luôn hiện hữu. Các nhà hoạch định chính sách và các cán bộ nhà nước liên quan cùng với đại diện các ngành đóng các vai trò nền tảng trong việc cung cấp các sản phẩm an toàn, chất lượng cao; giám sát quy hoạch và điều chỉnh ngành; quản lý các mối đe dọa an toàn sinh học; và tăng cường khả năng phục hồi của nguồn tài nguyên thiên nhiên nhằm đảm bảo sự bền vững cho các thế hệ tương lai.

Hệ thống thương mại thực phẩm thực sự rất rộng lớn và phức tạp. Đóng vai trò trung tâm điều hành trong hệ thống đó là một hệ sinh thái gồm những cá nhân có kỹ năng và tài năng đa dạng để đảm bảo thế giới không đói trong bất kể diễn biến toàn cầu nào.



## Ứng dụng các giống sắn mới phù hợp tại Tây Bắc

Phạm Thị Sến. Dự án ACIAR: AGB/2012/078

### Cây trồng quan trọng đối với các hộ gia đình thu nhập thấp

Mặc dù bị mang tiếng là 'cây hại đất', sắn vẫn đóng góp tới 30% tổng thu nhập nông hộ của rất nhiều gia đình ở Tây Bắc<sup>1</sup>. Vì vậy, diện tích sắn ở nhiều địa phương Tây Bắc tăng nhiều trong vài thập niên qua.

Trên thực tế, cây sắn không làm suy thoái đất như nhiều người vẫn lầm tưởng. Ở Tây Bắc, nông dân thường trồng sắn trên các triền dốc, nơi đất vốn đã bạc màu và không thể trồng các loại cây khác.

### Các thách thức đối với nông dân trồng sắn

Do mất rừng và biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan và thảm họa thiên nhiên đã diễn ra thường xuyên hơn. Khô hạn, sương muối, rét đậm, lũ ống, lũ quét ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng tới cây trồng trong khu vực. Sắn không là một ngoại lệ. Trong khi đó, tại các vùng trồng sắn thương phẩm ở Tây Bắc hiện chỉ có 2 giống phổ biến, KM94 và Lá Tre, đều cho năng suất thấp. Bên cạnh đó, nông dân ở đây chưa được tiếp cận và ứng dụng kỹ thuật bảo vệ đất trong canh tác sắn, khiến đất trồng sắn ngày càng thêm thoái hóa, bạc

<sup>1</sup>Báo cáo nghiên cứu chuỗi giá trị sắn của DA AGB/2012/078

màu. Những điều này khiến cho năng suất sắn của Tây Bắc thấp hơn nhiều so với trung bình cả nước.

Điều may mắn là Tây Bắc hiện vẫn tương đối 'sạch bệnh' trên cây sắn. Hiện nông dân Tây Bắc vẫn tự để giống sắn; họ cũng có thể tự tìm và mang hom giống sắn từ các nơi khác về trồng. Cho tới nay, chưa có ghi nhận về sự xuất hiện và gây hại đáng kể của sâu, bệnh đối với cây sắn ở đây; nông dân hầu như chưa cần sử dụng thuốc sâu, bệnh cho sắn.

Tuy nhiên, cây sắn ở Tây Bắc vẫn có thể mắc sâu bệnh từ các khu vực lân cận như Lào, Campuchia và các tỉnh phía Nam của Việt Nam, nơi đã xuất hiện bệnh chổi rồng và khảm lá sắn. Để giữ cho Tây Bắc tiếp tục là vùng 'sạch bệnh' trên cây sắn, nông dân Tây Bắc cần tiếp cận các nguồn giống mới cho năng suất cao và có thể kháng bệnh.

**Giải pháp có sự tham gia của nhiều bên**

Trong bối cảnh đó, dự án ACIAR AGB/2012/078 'Phát triển liên kết chuỗi giá trị để cải thiện hệ thống sản xuất sắn quy mô nhỏ ở Việt Nam và Indonesia' đã đề ra mục tiêu giải quyết hai câu hỏi: 'Làm thế nào để giữ cho Tây Bắc sạch bệnh trên cây sắn; và hướng tới chuỗi giá trị sắn bền vững?'

Trong các năm 2017–2019, với sự tham gia của nông dân, cán bộ nông nghiệp, cán bộ khuyến nông địa phương và Nhà máy Tinh bột sắn Sơn La,



Nông dân, cán bộ khuyến nông và các nhà nghiên cứu đánh giá giống sắn mới trên đồng ruộng tại tỉnh Sơn La. Ảnh: ACIAR

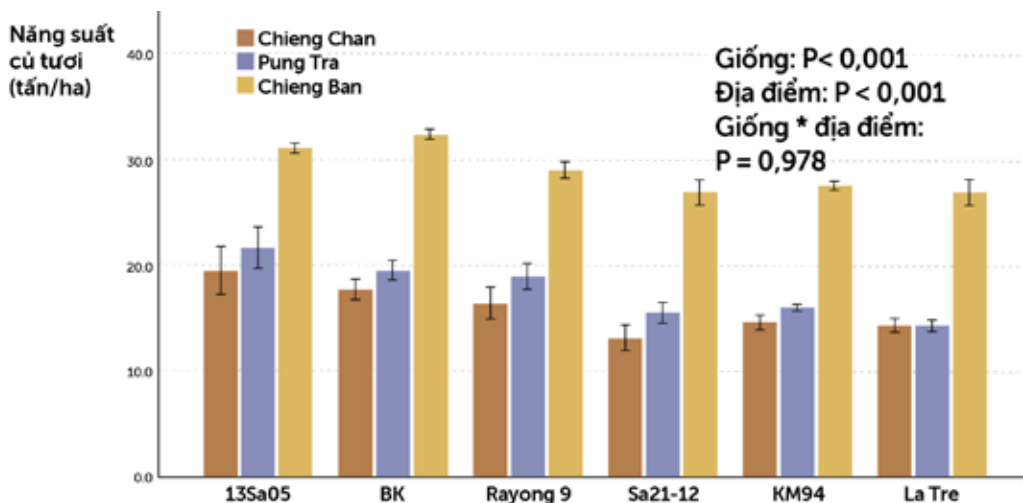
dự án đã thực hiện một số nghiên cứu thử nghiệm và phổ biến giống sắn mới phù hợp cho Tây Bắc. Tỉnh Sơn La là địa bàn nghiên cứu của Dự án.

**Kết quả số 1: Nghiên cứu và giới thiệu hai giống mới cho tiềm năng kinh tế cao**

Thử nghiệm đánh giá giống lặp lại trong ba năm của Dự án đã chọn được hai giống sắn mới (13Sa05 và BK) phù hợp để sinh trưởng, phát triển và cho năng suất cao hơn giống KM94 và giống Lá Tre đang được trồng phổ biến tại địa phương (Hình 1).

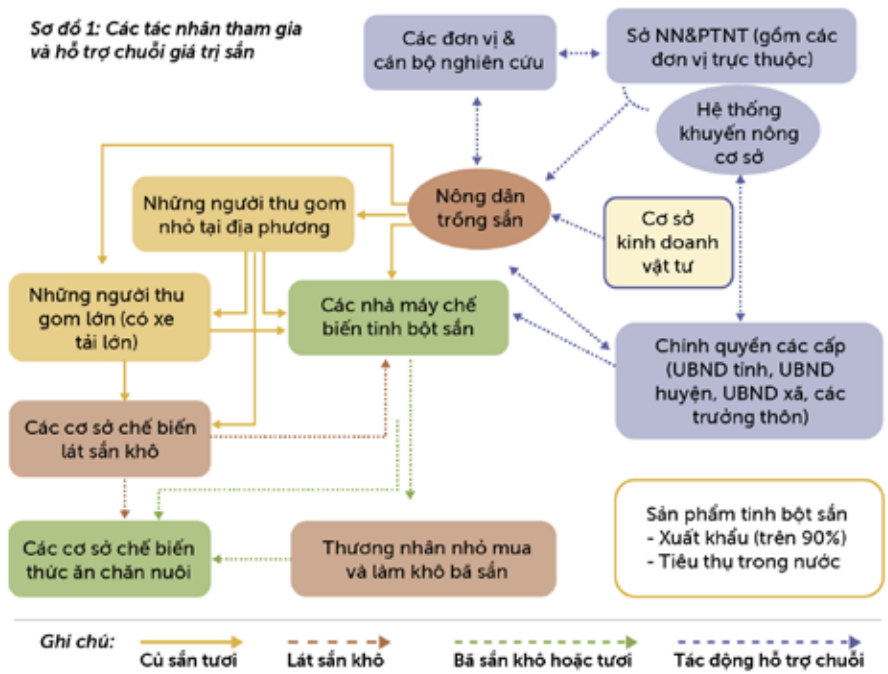
Hai giống mới này cũng có hàm lượng tinh bột cao, trong khoảng 29–30%. Bên cạnh đó, giống cho thân cây thấp, chống đổ tốt, và có nhiều củ to, củ ngắn, dễ thu hoạch hơn.

Trong điều kiện đất dốc ở địa bàn nghiên cứu, không bị nhiễm bệnh, tùy vào mức phân bón<sup>2</sup> năng suất của giống BK và giống 13Sa05 cùng dao động



Hình 1: Giống 13Sa05 và giống BK cho năng suất dao động từ 18–32 tấn/ha, cao hơn 14–76% so với 2 giống KM94 và Lá Tre đang phổ biến ở địa phương.

<sup>2</sup>Mức 40N/10P/40K, tương đương 87 kg đạm ure + 142 kg supe lân + 80 kg kali clorua; hay mức 60N/15P/60K, tương đương 130 kg đạm ure + 213 kg supe lân + 120 kg kali clorua



trong khoảng 18–32 tấn/ha, cao hơn một cách đáng kể (14–76%) so với 2 giống KM94 và Lá Tre.

Tuy nhiên, vì chưa có điều kiện đánh giá về khả năng chống chịu sâu, bệnh; chưa thể lựa chọn giới thiệu giống chống chịu bệnh cho sản xuất, việc mở rộng sử dụng hai giống này, hoặc bất kỳ giống mới nào khác cho Tây Bắc cũng cần đi kèm các biện pháp phòng tránh lây lan mầm bệnh qua con đường hom giống.

**Kết quả số 2: Liên kết giữa các bên tham gia còn yếu**

Kết quả nghiên cứu của Dự án cũng cho thấy chuỗi giá trị sản khá phức tạp, gồm nhiều tác nhân trực tiếp tham gia và nhiều tác nhân hỗ trợ chuỗi (Sơ đồ 1). Tuy vậy, hiện không có liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân, chưa có sự đầu tư thỏa đáng của các bên trong việc hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất bền vững.

Đặc biệt, vì sản chưa từng được coi là cây trồng chính, nên đầu tư của khối công (hệ thống khuyến nông, hệ thống quản lý chất lượng giống) cho cây sản chưa đáng kể.

Trong khi đó, do không có cạnh tranh về nguồn cung sản tươi, nên khối tư nhân cũng chưa quan tâm đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, chưa thực sự tham gia hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, bao gồm cả việc sử dụng giống mới và hom giống sạch bệnh.

Tất cả những điều trên khiến cho việc mở rộng sản xuất các giống sản mới, bao gồm cả những giống đã được đánh giá là phù hợp, như 13Sa05 và BK, tại Tây Bắc trở nên khó khăn, đồng thời làm

gia tăng nguy cơ lây lan bệnh từ các vùng khác tới khu vực.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, dự án đề xuất tăng cường liên kết giữa các bên để cùng giới thiệu, đánh giá, sản xuất và cung cấp nguồn giống chất lượng sạch bệnh ban đầu của các giống sản mới phù hợp cho nông dân.

**Kết luận và kiến nghị**

Tây Bắc cần nhanh chóng gia tăng sự đa dạng của bộ giống sản trong sản xuất. Cụ thể, cần hỗ trợ nông dân tiếp cận nguồn hom giống chất lượng sạch bệnh và mở rộng sản xuất hai giống (13Sa05 và BK) đã được dự án AGB/2012/078 đánh giá là phù hợp. Mặt khác, cần khuyến cáo và cung cấp nguồn hom giống chất lượng, sạch bệnh của những giống mới khác phù hợp cho khu vực.

Để nhanh chóng mở rộng sản xuất giống sản mới, và cũng nhằm tránh lây lan nguồn bệnh từ các vùng sản khác tới Tây Bắc, cần có sự liên kết giữa các tác nhân chuỗi giá trị. Cần hình thành hệ thống hợp tác nhập, đánh giá, thử nghiệm giống mới, sản xuất và cung cấp cho nông dân nguồn hom giống chất lượng, sạch bệnh.

Mặt khác, chỉ khi các cấp chính quyền sở tại đưa cây sản vào danh sách cây trồng chính thì hệ thống khuyến nông, hệ thống quản lý chất lượng giống, cũng như các nhà nghiên cứu mới có thể đầu tư thỏa đáng, đặc biệt là trong việc giúp nông dân lựa chọn, tiếp nhận, ứng dụng hiệu quả những giải pháp kỹ thuật cho phát triển sản xuất sản bền vững, bao gồm cả việc mở rộng sử dụng các giống mới phù hợp và hom giống chất lượng, sạch bệnh.

# Nghiên cứu gen gà châu Á

Fred Unger. Dự án ACIAR: LS/2019/142



Ảnh: ACIAR

Dự án Nghiên cứu Gen gà Châu Á (AsCGG) bắt đầu vào tháng 9 năm 2020 tại các nước Đông Nam Á, bao gồm: Campuchia, Myanmar và Việt Nam. Dự án sẽ góp phần thực hiện mục tiêu của ba quốc gia nhằm tăng cường sản xuất gia cầm để giúp các nông hộ nhỏ thoát nghèo.

Đây là một dự án hợp tác kéo dài bốn năm giữa Viện Nghiên cứu Chăn nuôi Quốc tế (ILRI) và các viện nghiên cứu nông nghiệp quốc gia ở các quốc gia tham gia vào dự án. Dự án sẽ cải thiện hệ thống chăn nuôi gia cầm của các nông hộ nhỏ thông qua áp dụng các công nghệ gen mới và đã được khẳng định về chất lượng và tăng cường khả năng tiếp cận của nông dân với các giống gà cho năng suất cao, được người dân đón nhận và đã hình thành khả năng thích nghi. Các đối tác của dự án, bao gồm ILRI, các cơ quan nghiên cứu của chính phủ, các tổ

chức phi chính phủ và các công ty gen gà tại các nước tham gia dự án, sẽ cùng nhau phát triển một lộ trình để lựa chọn gen trội trong dài hạn.

Dự án cũng sẽ giúp nâng cao năng lực cho các nhà khoa học trẻ tại các quốc gia tham gia dự án trong việc thực hiện các nghiên cứu chất lượng cao về hệ thống chăn nuôi gia cầm tại các thôn bản nhằm đem lại lợi ích cho các nông dân sản xuất quy mô nhỏ tại đất nước của họ.

Đồng thời, dự án cũng sẽ cung cấp nền tảng cho việc học hỏi giữa các quốc gia hợp tác Nam - Nam thông qua sáng kiến Nghiên cứu Gen Gà Châu Phi (ACGG) được thực hiện năm 2014 tại Ethiopia, Nigeria và Tanzania.

Các hoạt động dự kiến được bắt đầu vào quý I năm 2021, tùy theo tình hình dịch COVID-19 tại các quốc gia tham gia dự án.

# Hợp tác thúc đẩy thương mại cho trái xoài miền Nam

Robin Roberts và Antonia Medhurst  
Dự án ACIAR: AGB/2012/061



Đánh giá chất lượng xoài tại nhà đóng gói.  
Ảnh: San Trâm Anh.

Với sứ mệnh tăng thu nhập cho những nông dân quy mô nhỏ, một dự án bốn năm do ACIAR hỗ trợ đang hướng đến cải thiện quản lý chuỗi cung ứng của hoạt động kinh doanh xoài tươi và xoài chế biến ở miền Nam Việt Nam.

Bước vào năm thứ ba của dự án, các biện pháp can thiệp được thực hiện để thúc đẩy hoạt động kinh doanh xoài tại các tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang. Hợp tác giữa Australia và Việt Nam đã giúp nâng cao sự hiểu biết về các hoạt động trong chuỗi giá trị tại địa phương và làm thế nào để cải tiến các quy trình nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng cơ hội bán lẻ và trên hết là tăng sức mua xoài của người tiêu dùng trong khu vực.

## Quản lý bóng nhựa nhằm giảm thiểu thiệt hại

Bóng nhựa (sap burn) là nguyên nhân hàng đầu làm giảm chất lượng xoài trong các chuỗi cung ứng. Các chất tồn dư từ bóng nhựa có thể dẫn tới các bệnh liên quan đến vi khuẩn khiến người trồng giảm lợi nhuận do chất lượng xoài không tốt. Các nghiên cứu đang thực hiện nhằm giảm thiểu thiệt hại do bóng nhựa ở cấp độ vườn xoài. Kết quả sơ bộ cho thấy: nếu xử lý khử nhựa trên các túi bóng nhựa sau thu hoạch, sẽ giúp giảm gần 60% lượng trái cây bị hư hỏng.

## Giám sát chất lượng dọc theo chuỗi cung ứng

Việc quản lý trái cây dọc theo chuỗi đã làm nổi bật những mắt xích có tác động quan trọng đến

chất lượng và các thay đổi trong khâu vận hành ở những mắt xích này sẽ mang lại những cải tiến ở điểm bán lẻ cuối cùng. Những kết quả ban đầu của nghiên cứu này cho thấy các nhà bán lẻ và người tiêu dùng sẽ sẵn sàng trả giá cao hơn cho những quả xoài có bề ngoài “không tì vết”, và được trưng bày đẹp mắt.

**Hiểu về mức độ sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng**

Việc tìm hiểu về các động cơ và sở thích của người tiêu dùng Việt Nam khi mua xoài rất quan trọng. Dự án đang hợp tác với các chuỗi bán lẻ quốc tế để giới thiệu xoài từ Đồng Tháp và Tiền Giang và sẽ có cơ sở để thu thập thông tin cho nghiên cứu này. Kết quả của nghiên cứu sẽ nâng cao thương hiệu và giới thiệu xoài chất lượng cao được trồng từ miền Nam Việt Nam.

**ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC**

Một vài khóa đào tạo đã được thực hiện trong khuôn khổ dự án. Trong năm 2020 dự án đã tổ chức thành công hai khóa học cho các nhà nghiên cứu.

**Khóa học về ‘Đánh giá tác động kinh doanh nông nghiệp’**

Những người đạt được chứng chỉ này hiểu được cách thức đánh giá tác động đối với các can thiệp kinh doanh nông nghiệp trong bối cảnh quốc gia đang phát triển. Họ có thể xác định các chỉ số tác động khác nhau, xem xét các tác động gián tiếp hoặc các tác động trực tiếp từ các biện pháp can thiệp, và chọn trong số các phương pháp nghiên cứu khác nhau để đánh giá tác động. Người học sẽ đạt được kiến thức trong thu thập dữ liệu kinh doanh nông nghiệp và chiến lược thiết kế tổng thể cần thiết trong các dự án đánh giá tác động. Phần



Xử lý khử nhựa từ vườn.  
Ảnh: San Trâm Anh.

hỏi của học viên rất tích cực, các nhà nghiên cứu không hoạt động trong lĩnh vực khoa học đặc biệt đánh giá cao các tri thức kỹ thuật họ được lĩnh hội.

**Khóa học về ‘Dinh dưỡng vườn cây ăn quả kinh doanh’**

Những người đạt được chứng chỉ này đã nắm được kiến thức cơ bản về dinh dưỡng cây xoài để quản lý vườn quả. Họ đã phát triển một chương trình dinh dưỡng cho vườn xoài dựa vào những yêu cầu của cây. Người học hiểu về các chất dinh dưỡng đa lượng và vi lượng trong một cây xoài và vai trò của chúng trong các mốc quan trọng của chu trình sinh trưởng. Người học có thể kiểm tra các chương trình bón phân để giải thích các dữ liệu từ phân tích lá và phân tích đất. Nhóm học có khoảng 25 thành viên với các vai trò khác nhau trong dự án. Tổng kết về thành tích của họ khi tham gia vào các hoạt động sẽ được công bố vào tháng 6 năm 2021.



Chứng chỉ số sau khóa học ‘Đánh giá tác động kinh doanh nông nghiệp’. Ảnh: Đại học Griffith



Chứng chỉ số sau khóa học ‘dinh dưỡng vườn cây ăn quả kinh doanh’. Ảnh: Đại học Griffith

# Hỗ trợ nông dân kết nối với thị trường

Vũ Thị Hạnh và La Nguyễn  
Dự án ACIAR: FST/2016/152



*Các thành viên hợp tác xã Thành Cường đi thăm hợp tác xã Rau An toàn Mộc Châu và nghe chia sẻ kinh nghiệm từ các trưởng nhóm.  
Ảnh: La Nguyễn, ICRAF*

Sau gần 10 năm thực hiện dự án nông lâm kết hợp trên đất dốc, hàng trăm hộ nông dân đã có thể thu hoạch, tạo thu nhập từ các hệ thống cây trồng và cảnh quan nông lâm kết hợp. Khi sản lượng tăng dần, các nông hộ có nhu cầu hợp thành các nhóm sản xuất, tổ hợp tác và hợp tác xã (HTX) để có thể tiếp cận tốt hơn tới các thị trường mới và lớn. Tuy nhiên, thành viên của các HTX, đặc biệt là phụ nữ

vùng cao, vẫn gặp khó khăn trong việc vận hành HTX theo đúng các quy định trong Luật HTX Việt Nam năm 2012. Họ loay hoay tìm cách tổ chức sản xuất, lên kế hoạch, tạo kết nối giữa các thành viên, cũng như xây dựng quan hệ với các đối tác.

Trong hai ngày 19–20/10/ 2020, dự án đã tổ chức tập huấn về mô hình hợp tác xã, tiếp cận và mở rộng liên kết thị trường cho các thành viên của hai HTX tại



Sơn La là HTX Tân Thảo và Thành Cường. Hai HTX đều có trụ sở tại xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La do nông dân tham gia dự án tự thành lập để tập trung sản xuất và thu mua nông sản nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Đến nay, HTX Tân Thảo (thành lập năm 2017) đã có hơn 100 thành viên tham gia với diện tích canh tác khoảng 70 ha; HTX Thành Cường (năm 2018) có khoảng 34 thành viên (là người dân tộc Thái) với diện tích canh tác 20 ha.

33 nông dân tham gia tập huấn đều là người dân tộc Thái, bao gồm 18 học viên nữ và 15 học viên nam. Trưởng nhóm nông dân HTX Rau An toàn Mộc Châu, cán bộ Liên minh HTX tỉnh Sơn La và đại diện Trung tâm Khuyến nông tỉnh cùng các cán bộ dự án cũng đến dự và chia sẻ trong tập huấn.

Trong đợt tập huấn này, đa số học viên là phụ nữ dân tộc thiểu số; đây là điểm đặc biệt so với các chương trình tập huấn khác với người tham dự phần lớn đều là nam giới. Có những thành viên nữ chưa bao giờ tham gia bất kỳ buổi tập huấn nào, thậm chí chưa từng đi ra khỏi thôn, xã của họ. Tham gia tập huấn là một cơ hội để các thành viên tiếp cận kiến thức mới về HTX, về thông tin thị trường, đồng thời làm quen với các dự án và chương trình khác. Điều này giúp họ thêm tự tin và tham gia nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế hộ gia đình.

Ngày đầu của tập huấn, các học viên tham gia thảo luận nhóm nhằm tăng tương tác và sự chủ động để tham gia các hoạt động sau đó. Trong ngày thứ hai, nông dân tham gia dự án tham quan mô hình rau an toàn của HTX Rau an toàn tại Mộc Châu và rau nhà màng tại Vân Hồ, đồng thời lắng nghe các trưởng nhóm tại hai địa phương này chia sẻ về việc điều hành các hoạt động kinh tế tập thể. Các nông

dân tham gia tập huấn cũng đã có cơ hội mở rộng mối liên kết với các dự án và đối tác tại đây.

Học viên tham gia tập huấn phản hồi rất tích cực vì được học hỏi nhiều kiến thức, tạo kết nối và gắn bó hơn giữa các thành viên trong HTX, được tham quan các mô hình HTX hoạt động hiệu quả trong tỉnh và có cơ hội gặp gỡ các đối tác mới.

Sau khi kết thúc tập huấn, HTX Thành Cường đã ký kết thành công Thỏa thuận Hợp tác với Công ty TNHH Fresh Studio Innovation Asia theo Dự án GREAT—*Thúc đẩy Bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Lào Cai và tỉnh Sơn La* do Chính phủ Australia tài trợ. Theo thỏa thuận, HTX Thành Cường sẽ được hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng và chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó, các thành viên tham gia cũng cần đóng góp 50% phí đối ứng (gần 130 triệu đồng). Khi các thành viên hiểu rõ hơn về tiêu chí thành viên tự góp vốn, họ đã tự nguyện, tích cực tham gia vào hoạt động chung của HTX.

Bên cạnh đó, vai trò của giám đốc HTX cũng được nâng cao khi đã thể hiện sự chủ động và nỗ lực trong việc kết nối để đạt được thỏa thuận hợp tác, từ đó có thêm được sự tin nhiệm của các thành viên.

Trong thời gian tới, dự án sẽ đồng hành với nông dân trong việc hỗ trợ kết nối với các dự án, chương trình cũng như các nguồn quỹ khác để phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy thế mạnh riêng của từng HTX. Đồng thời, dự án cũng mong muốn sẽ có nhiều các hoạt động hỗ trợ bà con kết nối thị trường, dưới nhiều hình thức khác nhau với mục đích khuyến khích sự tham gia chủ động và tăng cường liên kết giữa các thành viên, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và chuyên môn cho đội ngũ quản lý của HTX.



Chị Lò Thị Mai, dân tộc Thái, trình bày lợi ích khi tham gia hợp tác xã.  
Ảnh: Nguyễn Văn Thạch, ICRAF

# SafePORK: Cải thiện an toàn thực phẩm trong chuỗi giá trị thịt lợn

Fred Unger, Nguyễn Thị Quỳnh Chi và Đặng Xuân Sinh  
Dự án ACIAR: LS/2016/143



Dự án SafePORK khuyến khích người bán lẻ thịt lợn tại các khu chợ thường xuyên vệ sinh thớt và rửa tay.  
Ảnh: Nguyễn Thị Quỳnh Chi, ILRI

Mặc dù chịu ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19, dự án SafePORK đã tích cực triển khai các hoạt động can thiệp trong năm 2020 và đạt được một số kết quả quan trọng trong năm thứ ba của dự án.

## Bộ công cụ đánh giá an toàn thực phẩm

Bộ công cụ đánh giá an toàn thực phẩm (ATTP) là một trong những kết quả đầu ra quan trọng của dự án trong năm 2020. Bộ công cụ được áp dụng cho các chuỗi giá trị thịt lợn chính ở Việt Nam. Trong bộ công cụ này, dự án đã đưa ra một số khuyến

ngợi thông qua các tờ thông tin nghiên cứu và tham vấn với các cơ quan ban ngành có liên quan và chính quyền các cấp ở Hưng Yên và Nghệ An. Dự án cũng đã thảo luận với nhà tài trợ—Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Australia (ACIAR)—để tìm cách tối ưu hóa việc áp dụng bộ công cụ rộng rãi hơn trong các chuỗi giá trị thực phẩm và các mối nguy khác nhau.

**Tài liệu tập huấn dành cho người giết mổ và người bán lẻ tại chợ truyền thống được lồng ghép các thông tin phòng chống COVID-19**

Tháng 11 năm 2019, dự án đã tập huấn cho người tham gia giết mổ tại một số cơ sở giết mổ và người bán lẻ ở tỉnh Hưng Yên, số tay tập huấn được thiết kế riêng cho mỗi nhóm đối tượng này. Các biện pháp can thiệp giúp tăng cường ATTP ở các cơ sở giết mổ và điểm bán lẻ có nhiều điểm tương đồng với các biện pháp phòng ngừa COVID-19, như sát trùng tay, đeo khẩu trang, đã tạo cơ hội cho nhóm nghiên cứu lồng ghép các biện pháp phòng ngừa COVID-19 vào số tay tập huấn của dự án.

### **Giảm nhiễm vi khuẩn tại các cơ sở giết mổ**

Năm 2020, một cơ sở giết mổ quy mô vừa và hai chợ truyền thống tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, bắt đầu triển khai các hoạt động can thiệp của dự án SafePORK.

Tại cơ sở giết mổ, dự án triển khai các biện pháp can thiệp bao gồm tập huấn liên tục cho công nhân về các thực hành vệ sinh tốt, kèm theo lắp đặt các tấm sàn inox được thiết kế riêng để tránh cho thân thịt tiếp xúc với sàn lò mổ. Các công nhân giết mổ được khuyến khích áp dụng một số biện pháp như rửa tay và rửa các bề mặt tiếp xúc thịt thường xuyên, đồng thời phân tách khu sạch và khu bẩn, giảm lây nhiễm vi khuẩn lên thân thịt. Bên cạnh đó, hoạt động truyền thông thay đổi hành vi dưới dạng áp phích thể hiện các thực hành tốt/không tốt đã được đặt tại các cơ sở giết mổ. Những can thiệp này đã giúp giảm đáng kể sự ô nhiễm của vi khuẩn lên thịt lợn khi đưa ra bày bán.

Dựa trên những kết quả khả quan này, gói can thiệp đã được nhân rộng ra tại bốn cơ sở giết mổ khác tại Diễn Châu, Nghệ An. Dự án có kế hoạch trong năm 2021 sẽ tiếp tục mở rộng can thiệp thêm năm cơ sở giết mổ nữa, với sự hỗ trợ của chính quyền

địa phương tại Hưng Yên và Hòa Bình. Một điểm đáng chú ý là chủ các cơ sở giết mổ được dự án lựa chọn can thiệp đã đóng góp 30% tổng kinh phí lắp đặt các tấm sàn inox.

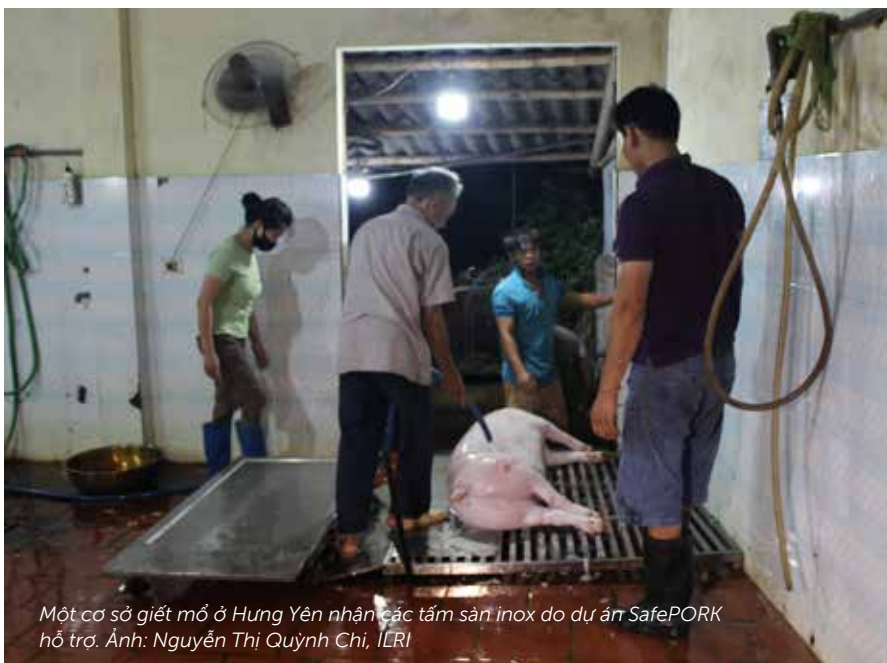
### **Tăng cường sự tuân thủ của người bán lẻ về thực hành an toàn vệ sinh thực phẩm**

Dự án đã triển khai một số biện pháp can thiệp đối với hộ bán lẻ thịt lợn ở các chợ truyền thống, bao gồm phân tách thịt sống và chín, nội tạng khi bày bán, đồng thời thường xuyên rửa, khử trùng bề mặt bán thịt và khuyến khích người bán hàng rửa tay thường xuyên. Mặc dù nghiên cứu thí điểm được triển khai trước đó với một vài người bán lẻ và cho kết quả khả quan về giảm nguy cơ nhiễm vi khuẩn lên thịt lợn, nhưng gói can thiệp được triển khai đối với 22 người bán lẻ ở hai chợ truyền thống chưa ghi nhận được sự cải thiện nhiều về các thực hành vệ sinh. Nguyên nhân chủ yếu là do sau một thời gian áp dụng, người bán lẻ không tiếp tục tuân thủ các thực hành được khuyến khích. Để cải thiện kết quả các can thiệp, và sau khi tham vấn với chính quyền địa phương, dự án sẽ thành lập một nhóm giám sát tại cộng đồng nhằm áp dụng cả phương pháp khuyến khích và chế tài để giúp thúc đẩy sự tuân thủ của người bán lẻ về các thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **Dự án SafePORK giúp thúc đẩy thương hiệu thịt lợn bản địa**

Một kết quả quan trọng khác mà dự án SafePORK đạt được trong năm 2020 là giúp hỗ trợ đăng ký thương hiệu thịt lợn bản địa qua sự phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Hòa Bình và Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Đà Bắc, với sự hướng dẫn và hỗ trợ của Viện Chăn nuôi (một đối tác của dự án SafePORK).

Dự án đã hỗ trợ tăng cường liên kết chuỗi giá trị cho một hợp tác xã chăn nuôi lợn bản địa tại huyện Đà Bắc, Hòa Bình, gồm 90 hộ chăn nuôi thành viên. Gói can thiệp của dự án hỗ trợ việc tổ chức, sản xuất chăn nuôi lợn bản địa, nâng cấp hai điểm giết mổ lợn bản địa thông qua trang bị và tập huấn các thực hành vệ sinh cho người giết mổ, bao gồm kiểm tra thịt. Can thiệp tập huấn kiểm tra thịt là một hoạt động chung của dự án SafePORK và một dự án khác do Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên



*Một cơ sở giết mổ ở Hưng Yên nhận các tấm sàn inox do dự án SafePORK hỗ trợ. Ảnh: Nguyễn Thị Quỳnh Chi, ILRI*



Hội thảo về truyền thông nguy cơ liên quan đến an toàn thực phẩm và sức khỏe con người. Tháng 12, 2019.  
Ảnh: Croplife

bang Đức (BMZ) tài trợ, hướng tới tăng cường an toàn thịt lợn bản địa cho người dân tộc thiểu số tại tỉnh Hòa Bình. Nghiên cứu từ dự án do BMZ tài trợ cho thấy nguy cơ các bệnh do ký sinh trùng gây ra từ thịt lợn bản là khá thấp. Dự kiến kết quả nghiên cứu này sẽ giúp hỗ trợ cho việc quảng bá thương hiệu thịt lợn bản an toàn trong khuôn khổ dự án SafePORK trong thời gian tới.

### Truyền thông nguy cơ

Dựa trên những phát hiện từ đánh giá nhu cầu truyền thông nguy cơ, dự án đã tiến hành một số hoạt động truyền thông nguy cơ hướng tới các đối tượng khác nhau, bao gồm các phương tiện thông tin đại chúng, các nhà hoạch định chính sách, cán bộ nhà nước và người tiêu dùng thông qua các kênh khác nhau.

Trong một hội thảo 'truyền thông nguy cơ về ATTP và sức khỏe con người' được tổ chức vào tháng 12 năm 2019, nhóm cán bộ dự án SafePORK đã thảo luận với 40 nhà báo Việt Nam, giúp họ truyền thông tốt hơn về ATTP tới công chúng. Thông qua hội thảo, các nhà nghiên cứu về ATTP đã tìm cách chuyển tải thông tin chính xác dựa trên nghiên cứu về những thách thức do thực phẩm không an toàn gây ra đối với sức khỏe con người.

### Tăng cường năng lực

Dựa trên những phát hiện từ đánh giá nhu cầu truyền thông nguy cơ, dự án đã tiến hành một số hoạt động truyền thông nguy cơ hướng tới các đối tượng khác nhau, bao gồm các phương tiện thông tin đại chúng, các nhà hoạch định chính sách, cán bộ nhà nước và người tiêu dùng thông qua các kênh khác nhau.

Hai lớp tập huấn giảng viên nguồn về truyền thông nguy cơ đã được tổ chức vào tháng 10 và tháng 11

năm 2020 cho 50 học viên là cán bộ y tế, thú y, cán bộ văn hóa và thông tin cấp huyện, hội viên hội phụ nữ và hội nông dân của huyện Tiên Lữ (Hưng Yên) và huyện Diễn Châu (Nghệ An). Những học viên này sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của người dân địa phương về các nguy cơ ATTP tại cấp cơ sở. Dự án có kế hoạch tiếp tục mở rộng các hoạt động truyền thông nguy cơ ATTP trong quý I và quý II năm 2021.

Năm 2020, dự án cũng đã phối hợp với Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, Công ty Green Farm và Công ty Biospring triển khai thử nghiệm sử dụng probiotics (các vi sinh vật có lợi) giúp giảm sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi lợn.

Hoạt động xây dựng năng lực của dự án vẫn tiếp tục được duy trì, giúp tăng cường năng lực cho 35 nghiên cứu viên, một nghiên cứu sinh, một thạc sĩ và 13 cử nhân, liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau như phúc lợi động vật, đánh giá nguy cơ và lý thuyết thay đổi hành vi.

#### Giới thiệu về dự án LS/2016/143

Dự án SafePORK bắt đầu triển khai vào năm 2017 nhằm mục đích phát triển và đánh giá các phương pháp tiếp cận dựa trên thị trường để cải thiện ATTP với mục tiêu tổng thể là giảm gánh nặng bệnh tật do thực phẩm gây ra ở các thị trường không chính thức, thị trường mới nổi tập trung vào chuỗi giá trị thịt lợn quy mô vừa và nhỏ ở Việt Nam. Dự án được thực hiện với sự hợp tác chặt chẽ giữa Viện nghiên cứu Chăn nuôi Quốc tế (ILRI), Đại học Sydney và các đối tác trong nước như Trường Đại học Y tế Công cộng, Học viện Nông nghiệp Việt Nam và Viện Chăn nuôi. Các đối tác khác bao gồm một số công ty tư nhân ở Việt Nam, Anh Quốc, và một số đơn vị nghiên cứu quốc tế như Trường Thú y Hoàng gia (Anh), và Đại học Melbourne (Australia).

# Rủi ro và cơ hội của ngành chăn nuôi dê tại Lào và Việt Nam

Nguyễn Hữu Văn và Nguyễn Viết Đôn

Dự án ACIAR: LS/2017/034



## Nhu cầu lớn, ít thông tin thị trường

Nhu cầu của người tiêu dùng Việt Nam đối với thịt dê do các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ ở Lào cung cấp ngày càng tăng. Họ tin rằng hương vị của dê 'núi' hoặc dê 'cỏ' là thơm ngon hơn thịt dê lai khác.

Dự án hợp tác giữa Việt Nam và Australia về cải thiện chăn nuôi dê Việt Nam (2006—2009) khuyến nghị rằng các nghiên cứu về thị trường thịt dê và các cơ hội quảng bá sản phẩm từ dê thông qua các chuỗi thị trường cần được quan tâm và tiến hành nhiều hơn nữa.

Tuy nhiên, việc xác định quy mô thị trường dê ở Việt Nam là rất khó do thiếu thông tin chính thống về thị trường. Để tránh một số chi phí thể chế, các thương lái chủ yếu nhập khẩu dê theo đường tiểu ngạch vào Việt Nam.

Năm 2018, dự án LPS/2016/027 đã có nhiều cuộc thảo luận với nông dân, thương lái và cơ sở giết mổ để xác định các đặc điểm của chăn nuôi dê và hệ thống thị trường. Trên cơ sở thảo luận này, nhóm dự án đã đưa ra câu hỏi nghiên cứu mới: Làm thế nào để các hộ chăn nuôi nhỏ và người kinh doanh ở Lào có thể tăng số lượng và chất lượng sản phẩm để tận dụng nhu cầu thịt dê ngày càng tăng ở Lào và Việt Nam?

Tiếp nối dự án LPS/2016/027, dự án LS/2017/034 *Hệ thống sản xuất và thị trường dê ở Lào và Việt Nam* đã được khởi động từ tháng 8 năm 2019. Mục tiêu chung của dự án là tăng cường cơ hội nâng cao thu nhập cho các hộ chăn nuôi dê tại Lào thông qua việc phát triển các hệ thống chăn nuôi

## Dự án có bốn mục tiêu cụ thể:

- 1 Khảo sát các hệ thống chăn nuôi dê ở Lào nhằm xác lập các chuẩn mốc về kỹ thuật, xã hội và kinh tế để có thể đánh giá các cải tiến.
- 2 Đánh giá các hạn chế chính và xác định các giải pháp tiềm năng.
- 3 Giảm thiểu rủi ro thị trường và tăng cơ hội tiếp thị thông qua việc nâng cao hiểu biết các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu và giá dê ở Lào và Việt Nam, và các chuỗi giá trị liên kết.
- 4 Xây dựng năng lực nghiên cứu và phát triển chăn nuôi dê ở Lào và bắt đầu nhân rộng các kết quả nghiên cứu của dự án.



Tập huấn online về sử dụng phần mềm Commcare.  
Ảnh: Đại học Nông Lâm Huế

có năng suất, bền vững với môi trường, bình đẳng giới và được xã hội chấp nhận, tiếp cận thị trường có nhu cầu cao ở Việt Nam.

Tại Việt Nam, Trường Đại học Nông Lâm Huế (HUAF) và Viện Chăn nuôi (NIAS) là các tổ chức tham gia dự án, chủ yếu tập trung vào phân tích chuỗi thị trường nội địa Viêng Chăn và ba chuỗi thị trường xuất khẩu chính sang Việt Nam. Các phân tích này nhằm mục đích xác định các đặc điểm cung/cầu của thị trường, các hạn chế, rủi ro và cơ hội.

### Tổng quan tài liệu: Hiểu biết ban đầu về thị trường

Bất chấp ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trong việc triển khai hoạt động, nhóm Việt Nam, phối hợp với các đối tác Australia và Lào, đã hoàn thành dự thảo tổng quan tài liệu về tình hình sản xuất và thị trường dê ở Lào và Việt Nam. Chúng tôi thấy rằng dê ở Lào được nuôi để lấy thịt, phần lớn được tiêu thụ tại địa phương hoặc bán con sống cho các thương lái đưa đến các thành phố hoặc sang Việt Nam.

Dê chủ yếu được nuôi tại các hộ nông dân quy mô nhỏ khoảng 10 con. Không có số liệu xuất khẩu dê hoặc các sản phẩm của chúng ở Lào được ghi nhận chính thức.

Các kênh thị trường dê hầu như không chính thức, điều này ảnh hưởng đến thu nhập của người chăn nuôi. Các thị trường chính thức trong nước kém phát triển và trong một số trường hợp, không tồn tại.

Hệ thống tiếp thị dê ở Lào kém phát triển. Không có nhiều thông tin chi tiết liên quan đến các tác nhân của chuỗi thị trường, chi phí giao dịch và chi tiết của chuỗi sản phẩm thịt dê và các sản phẩm khác từ dê.

Số lượng nghiên cứu về tiêu thụ dê, thị trường và chuỗi giá trị dê ở Lào còn hạn chế. Nhu cầu thị trường nước ngoài, chủ yếu từ Việt Nam, có vẻ như là động lực chính của chuỗi xuất khẩu dê.

Tuy nhiên, các hợp đồng kinh tế giữa các tác nhân tham gia chuỗi hầu như chưa có. Các bằng chứng về hệ thống truy xuất nguồn gốc vẫn chưa được

chú trọng. Không có nhiều thông tin và tài liệu về cả liên kết dọc và ngang trong chuỗi chăn nuôi dê Lào. Thông tin về mối quan hệ giữa các tác nhân như giữa người chăn nuôi với thương lái Lào, thương lái với chủ nhà hàng và cửa hàng, thương lái trong và ngoài nước rất ít.

Trong khi thị trường địa phương vẫn là thiết yếu, đặc biệt là các vùng nông thôn ở Lào, tăng trưởng số lượng dê và nhu cầu từ các nhà hàng dê ở Lào và Việt Nam ngày càng cao đã khẳng định nhu cầu nghiên cứu và phát triển chuỗi thị trường.

### Hoạt động sắp tới: Phỏng vấn các tác nhân trong chuỗi thị trường dê

Nhóm Việt Nam, phối hợp với các chuyên gia của Đại học New England (UNE), đã xây dựng năm bộ câu hỏi để phỏng vấn các tác nhân chính của chuỗi thị trường dê, bao gồm người chăn nuôi, thương lái, chủ lò mổ, chủ nhà hàng và người tiêu dùng thịt dê. Các bộ câu hỏi đã được kiểm tra thực địa tại Thừa Thiên Huế và Hà Nội và được chỉnh sửa để phù hợp với các trường hợp có thể xảy ra trong quá trình khảo sát chính thức. Sau khi kiểm tra, các câu hỏi được đưa vào ứng dụng Commcare trên máy tính bảng. Hiện nay, bộ câu hỏi điện tử có hai phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh và chúng tôi dự kiến sẽ dịch sang tiếng Lào vào đầu năm 2021.

Tháng 12 năm 2020, dự án đã tổ chức hội thảo tập huấn cho người tham gia sử dụng và quản lý hiệu quả bộ câu hỏi điện tử thông qua ứng dụng Commcare. Những người tham gia gồm năm thành viên từ NIAS và sáu thành viên từ HUAF, tập trung tại thành phố Huế. Ba chuyên gia từ UNE đã tập huấn trực tuyến do hạn chế đi lại vì COVID-19. Sau hội thảo, tất cả những người tham gia có thể sử dụng bảng câu hỏi trên ứng dụng một cách thành thạo và sẵn sàng tiến hành khảo sát tại thực địa.

Tiến hành các đợt khảo sát sẽ là hoạt động chính của nhóm trong năm 2021. Nhóm sẽ trực tiếp thực hiện các cuộc khảo sát đối với các thương lái, chủ lò mổ, nhà hàng và người tiêu dùng thịt dê ở miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Một số thành viên trong nhóm sẽ sang Lào để giúp các đối tác Lào tiến hành khảo sát với người chăn nuôi dê và thương lái Lào.

Kể từ khi bắt đầu dự án, nhóm Việt Nam luôn duy trì liên lạc thường xuyên giữa các thành viên trong nhóm và phối hợp chặt chẽ với các đối tác khác trong dự án. Chúng tôi luôn nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực nghiên cứu của các nhà khoa học trẻ. Trong nhóm, 2/3 tổng số thành viên có tuổi đời dưới 40. Họ luôn có tinh thần học hỏi kiến thức và kỹ năng mới và được hướng dẫn bởi các thành viên có kinh nghiệm lâu năm. Những điều này cần thiết cho sự thành công của dự án và sự phát triển bền vững của nghiên cứu nông nghiệp trong khu vực.

# Phỏng vấn chuyên gia nghiên cứu:

## Nữ học giả Meryl Williams và nỗ lực gắn kết người nông dân với thị trường trong đại dịch COVID-19

### **Chào chị Hòa, chị có thể giới thiệu nhanh với độc giả ACIAR về bản thân?**

Chào các độc giả ACIAR, tôi là Phạm Thị Hòa. Tôi đã công tác ở Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật tỉnh Lâm Đồng từ năm 2008, chuyên trách về mảng sâu hại cây lâm nghiệp. Năm 2019, tôi được nhận học bổng Meryl Williams của ACIAR. Tôi rất háo hức với cơ hội học tập để phát triển kỹ năng lãnh đạo này, đồng thời được quay lại Australia—nơi tôi từng học thạc sĩ—để gặp các thầy cô và bạn bè.

### **Chị có thể chia sẻ về hành trình của chị với học bổng Meryl Williams đến thời điểm này?**

Học bổng Meryl Williams thực sự rất khác biệt so với các học bổng tôi từng nhận trước đây. Tôi được các giảng viên hướng dẫn và hỗ trợ rất nhiệt tình, bao gồm Tiến sĩ Rebecca Spence, Giáo sư Derek Baker và Tiến Sĩ Nozomi Kawarazuka. Chương trình được thiết kế nhằm trao quyền cho phụ nữ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Tôi rất biết ơn tiến sĩ Meryl Williams và ACIAR đã cho tôi và các nhà khoa học nữ khác cơ hội tuyệt vời để phát triển bản thân và sự nghiệp.

Điều ý nghĩa nhất tôi đã học được tới thời điểm này là khám phá và rèn luyện nội lực của bản thân để cân bằng giữa công việc, gia đình và các mục tiêu cá nhân của mình. Tôi biết ưu tiên thời gian để ‘sạc pin’ cho bản thân sau giờ làm, như: tập yoga, đi bộ và dành thời gian cho gia đình. Nhờ những quãng nghỉ này, tôi lại làm việc hiệu quả hơn, và trở nên tự tin hơn.

Điều quan trọng và đặc biệt thứ hai, đó là thông qua học bổng Meryl Williams, tôi được biết đến Quỹ hỗ trợ nghiên cứu nhỏ dành cho cựu sinh (ARSF) của ACIAR. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch COVID-19, quỹ tập trung hỗ trợ các cựu sinh của ACIAR thực hiện nghiên cứu về những khu vực dễ tổn thương trong nền nông nghiệp và tìm ra giải pháp để hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp và các ngành sau đại dịch. Là học giả tham gia chương trình Meryl Williams, tôi đã được nhận hỗ trợ từ quỹ này để thực hiện nghiên cứu về ‘Người nông dân trồng rau và hoa ở Lâm Đồng thích ứng với COVID-19 và biến đổi khí hậu’.





### **Chị có thể chia sẻ thêm với độc giả ACIAR về kết quả nghiên cứu cho đến nay?**

Từ tháng 9 tới tháng 12 năm 2020, tôi đã trực tiếp phỏng vấn rất nhiều nông dân và doanh nghiệp trồng rau và hoa ở Lâm Đồng để hiểu về những khó khăn và cách thức họ đang vượt qua khó khăn do đại dịch COVID 19 gây ra. Nhìn chung, người nông dân chịu tổn thương nhiều do liên kết với thị trường yếu và dễ đứt gãy. Gần 50% hộ trồng rau, hoa đã phải cắt giảm nhân công hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Các doanh nghiệp từng có thế mạnh về xuất khẩu hoa đã phải phá hủy hàng nghìn tấn hoa trong đại dịch do không thể xuất được hàng đi.

Trước tình hình đó, nghiên cứu đề xuất việc tăng cường liên kết giữa nhà quản lý, nông dân, doanh nghiệp và nhà giáo dục để củng cố chuỗi giá trị. Hiện nay, tôi đang liên hệ với mạng lưới cựu sinh Australia để triển khai các hoạt động sau nghiên cứu. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tổ chức các khóa đào tạo về ứng dụng công nghệ số và sản xuất nông nghiệp nhằm liên kết người nông dân với thị trường tốt hơn, giúp họ chủ động tìm ra đầu ra cho sản phẩm. Ngoài ra, nhóm cựu sinh Australia cũng sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các ứng dụng công nghệ để quản lý trang trại của họ tốt hơn.

Tháng 2 năm 2021, tôi đã vinh dự được trình bày các kết quả ban đầu của nghiên cứu trong Hội nghị thường niên lần thứ 65 của Hiệp hội Kinh tế Nông nghiệp và Tài nguyên Australia, với sự tham gia của rất nhiều chuyên gia nông nghiệp trong khu vực.

### **Chúc mừng chị! Chị có thể chia sẻ về các kế hoạch, dự định của mình trong thời gian tới?**

Tôi muốn đẩy mạnh các khuyến nghị từ nghiên cứu của mình tới cộng đồng các nông dân và doanh nghiệp trồng rau và hoa. Tôi sẽ cùng mạng lưới cựu sinh Australia gắn kết các nhà quản lý, doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà giáo dục và nông dân để đưa ra các giải pháp cụ thể và hiệu quả. Trong khuôn khổ nghiên cứu của mình, tôi sẽ thực hiện một chuỗi các hội thảo để hiện thực hóa dự định này.

Ngoài ra, tôi mong muốn được tiếp tục kết nối sâu rộng và mạnh mẽ hơn với mạng lưới cựu sinh Australia và cựu sinh ACIAR nói riêng để thực hiện các dự án nông nghiệp. Tôi hy vọng ACIAR và các cựu sinh sẽ có nhiều các chương trình giao lưu, chia sẻ và hợp tác nghiên cứu. Như vậy, chúng ta có thể nhân rộng và phát huy hết khả năng của các hạt giống trong vườn ươm ACIAR đã gieo trồng.

**Cảm ơn chị, chúc chị thành công với các dự định của mình trong năm 2021!**



# Phỏng vấn nông dân

**Anh Lương Văn Minh là nông dân tham gia và hưởng lợi trong dự án 'Phát triển liên kết chuỗi giá trị để cải thiện hệ thống sản xuất sản quy mô nhỏ ở Việt Nam và Indonesia' (AGB/2021/078). Mục tiêu của dự án là tăng lợi nhuận và tính bền vững cho các nông hộ nhỏ sản xuất sản, bằng cách liên kết các nhân tố trong chuỗi giá trị để tăng cường sử dụng giống và các công nghệ tiên tiến. Dự án kết thúc vào năm 2020 với kết quả là các khuyến nghị chính sách và sự ra đời của các liên minh, tổ nhóm để trao đổi và học hỏi lẫn nhau.**

chỉ thu về được khoảng ba, bốn tấn sản. Sang năm 2020, tôi lại tiếp tục đạt sản lượng cao hơn, thu hoạch được 12 tấn. Tôi rất phấn khởi vì mức thu hoạch này quá tốt so với trước đây

**Anh có thể chia sẻ 'bí quyết' vì sao sản lượng sản nhà anh tăng cao qua mỗi năm không?**

Do tôi làm rẫy cỏ hai lần, chịu khó phát quang theo hướng dẫn

**Chào anh Minh, anh có thể giới thiệu về bản thân được không?**

Tôi tên là Lương Văn Minh, nhà ở bản Púng, xã Púng Tra, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Nhà tôi có 8ha trồng sản. Năm 2019, tôi bắt đầu tham gia trồng thử nghiệm các giống sản mới với các anh chị ở Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông lâm nghiệp Tây Bắc thuộc Viện KHKT Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc (NOMAFSI).

Năm 2019, với giống sản mới, tôi thu hoạch được chín tấn sản. Ngày trước, trên cùng diện tích, tôi

của cán bộ dự án. Và nhờ được bên khuyến nông và dự án hỗ trợ cho giống tốt, phân bón tốt.

**Anh đánh giá giống sản mới này như thế nào?**

Giống sản rất tốt, cho nhiều củ. Một gốc sản phải cho ít nhất 5 cân củ. Tôi rất hài lòng.

**Anh bán được sản với giá bao nhiêu?**

Năm nay, tôi bán cho thương lái với mức giá 1.500 đồng/cân. Với tôi, đây là mức giá cao nhất từ trước đến nay. Nhờ tham gia hội thảo với bên dự án, tôi mới biết Nhà máy tinh bột sản Sơn La đã thu mua với giá 2.700 đồng/cân. Nhưng tôi ở xa và không có điều kiện vận chuyển sản đến nhà máy. Tôi hy vọng sẽ có cơ hội bán sản với giá cao hơn.

**Thu nhập từ sản giúp anh cải thiện kinh tế gia đình như thế nào?**

Do nhà neo người nên tôi không thu hoạch và bán sản liền một lúc mà bán rải rác, mỗi lần cho thu nhập 500,000—1 triệu đồng. Tôi chưa tính được thu nhập cụ thể là bao nhiêu, nhưng năm nay nhà tôi đã mua được một con lợn nhờ tiền bán sản.

**Anh có định mở rộng diện tích trồng không?**

Nếu tiếp tục được hỗ trợ nhiều về giống và phân bón, tôi sẽ mở rộng diện tích trồng.

**Nếu không trồng sản, anh sẽ làm gì trên đất của mình?**

Tôi có thể trồng cà phê. Nhưng gia đình tôi neo người nên rất khó trồng cà phê vì không có người chăm sóc, tôi cũng không có vốn đầu tư. Sản hiện giờ là cây trồng phù hợp với gia đình tôi.

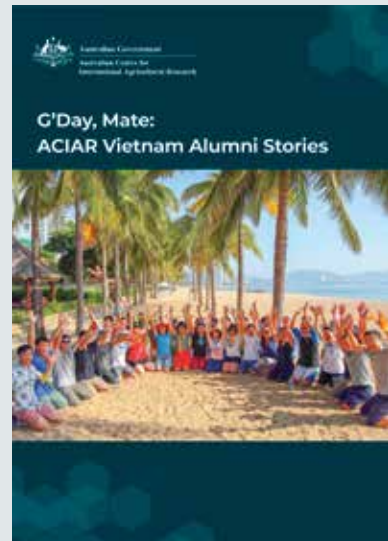
**Cảm ơn anh! Chúc anh mạnh khỏe và năm nay thu hoạch được nhiều sản hơn!**



## G'Day, Mate: Câu chuyện cựu sinh ACIAR Việt Nam

ACIAR Việt Nam lần đầu ra mắt ấn phẩm 'G'day, Mate: Câu chuyện cựu sinh ACIAR Việt Nam'. Đây là tuyển tập 18 câu chuyện của các cựu sinh đến từ nhiều lĩnh vực, với các trải nghiệm, giới tính và độ tuổi rất đa dạng. Cuốn sách ra đời với mong muốn nâng cao hình ảnh của những người tạo ra sự thay đổi ở ACIAR, giới thiệu những thành quả nghiên cứu nông nghiệp của họ và lưu giữ những bài học mà họ đã đúc kết được trong thời gian học tập tại nước Australia. Mặc dù cuốn sách chỉ là một lát cắt của cộng đồng các cựu sinh, nó thể hiện tầm nhìn của ACIAR mong muốn xây dựng và duy trì một mạng lưới cựu sinh toàn cầu phát triển mạnh mẽ.

ACIAR sẽ tiếp tục hỗ trợ các cựu sinh trong năm 2021 để xây dựng mạng lưới cựu sinh ACIAR Việt Nam đoàn kết, vững mạnh và tiếp tục hỗ trợ các nghiên cứu và phát triển nông nghiệp của Việt Nam.



## Cập nhật từ văn phòng ACIAR Việt Nam



Văn phòng ACIAR Việt Nam chào đón chị Nguyễn Thu Hương, cán bộ truyền thông mới gia nhập ACIAR vào tháng 10 năm 2020. Trước đó, chị Hương từng làm Trưởng nhóm Truyền thông của tổ chức Wildlife Conservation Society tại Việt Nam. Hương có kinh nghiệm làm truyền thông cho các tổ chức hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Tại ACIAR, chị Hương chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông của ACIAR Việt Nam, đồng thời hỗ trợ trụ sở ACIAR tại Canberra sáng tạo và lan tỏa các sản phẩm truyền thông.

Chị Hương có bằng Cử nhân Báo chí, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Hà Nội).

Chị Hương kế nhiệm vị trí của chị Nguyễn Thị Thanh Mai – cán bộ truyền thông của ACIAR từ 2018 – 2020. Chị Mai đã có nhiều đóng góp quan trọng cho ACIAR - tham gia điều phối các sự kiện và hoạt động của cựu sinh, hỗ trợ văn phòng Việt Nam thực hiện nhiều sản phẩm truyền thông. ACIAR Việt Nam cảm ơn Mai và chúc chị thành công trong công việc mới làm tư vấn truyền thông cho một tổ chức phi chính phủ.

# Xôi sắn

Công thức món ăn của đầu bếp Nguyễn Mạnh Hùng, trích từ ấn phẩm 'Cổ Nhà nông' nhân kỉ niệm 25 năm ACIAR Việt Nam

## Nguyên liệu

- 200g gạo nếp
- 200g sắn củ tươi
- 20g hành phi
- 1 thìa cafe muối


## Cách làm

- Gạo nếp ngâm nước lạnh trước 3 tiếng.
- Sắn gọt bỏ vỏ, bỏ đôi, bỏ phần lõi có xơ, cắt miếng vừa ăn. Ngâm sắn vào nước muối loãng khoảng 15 đến 20 phút cho ra bớt nhựa.
- Bắc chảo hấp lên bếp, đun sôi nước trước 10 phút.
- Trộn gạo nếp, sắn và muối cùng nhau cho quyện đều. Cho hỗn hợp gạo và sắn vào chảo, hấp khoảng 35 phút hoặc đến khi sắn và xôi chín đều.
- Rắc hành phi lên trên xôi, ăn nóng.



Ảnh: Vũ Bảo Khánh





Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Australia (ACIAR) là một phần trong chương trình hợp tác phát triển quốc tế của Australia. Nhiệm vụ của trung tâm là xây dựng các hệ thống nông nghiệp bền vững và năng suất hơn vì lợi ích của các quốc gia đang phát triển và Australia. ACIAR tổ chức các chương trình hợp tác nghiên cứu giữa Australia và các nhà nghiên cứu từ các quốc gia đang phát triển về các lĩnh vực mà Australia có thế mạnh về nghiên cứu. ACIAR cũng điều phối đóng góp của Australia đối với các trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế.

ACIAR Việt Nam là một trong mười văn phòng quốc gia/khu vực của Trung tâm và đã có mặt tại Việt Nam kể từ năm 1993.

Thông tin liên hệ:  
Văn phòng ACIAR Việt Nam  
SĐT: +84-24 3774 0265  
Email: [aciarvietnam@aciar.gov.au](mailto:aciarvietnam@aciar.gov.au)

Đại sứ quán Australia  
Số 8 phố Đào Tấn  
Quận Ba Đình  
Hà Nội, Việt Nam.



Australian Centre  
for International  
Agricultural Research

Australian  
Aid 